



**ĐẠI HỌC HẠ LONG**  
Học để thành công

BÙI THỊ LAN HƯƠNG

TIẾNG VIỆT SƠ CẤP BẬC 1

1B

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

TS. BÙI THỊ LAN HƯƠNG (CHỦ BIÊN)  
TS. BẾ THỊ THU HUYỀN, ThS. HÀ NGỌC YẾN,  
ThS. NGUYỄN THỊ MINH THÁI, ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC LƯƠNG



# TIẾNG VIỆT SƠ CẤP BẬC 1

**1B**

*(Tài liệu lưu hành nội bộ)*

Dùng cho đối tượng học viên nước ngoài học tiếng Việt trình độ Sơ cấp bậc 1  
(theo Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dùng cho người nước ngoài)



Quảng Ninh, 2022

TS. BÙI THỊ LAN HƯƠNG (CHỦ BIÊN)  
TS. BẾ THỊ THU HUYỀN, ThS. HÀ NGỌC YẾN,  
ThS. NGUYỄN THỊ MINH THÁI, ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC LƯƠNG

--❧--



# TIẾNG VIỆT SƠ CẤP BẬC 1

1B

*(Tài liệu lưu hành nội bộ)*

Dùng cho đối tượng học viên nước ngoài học tiếng Việt  
trình độ Sơ cấp bậc 1  
*(theo Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dùng cho người nước ngoài)*

Quảng Ninh, năm 2022



# MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	7
<b>BÀI 5. CÁCH HỎI GIỜ .....</b>	<b>11</b>
1. Ngữ âm: các vần bắt đầu từ âm e .....	11
2. Hội thoại .....	13
3. Từ vựng.....	17
4. Ngữ pháp .....	19
4.1. Lí thuyết.....	19
4.1.1. Số đếm từ 1 đến 100.....	19
4.1.2. Cách hỏi giờ .....	20
4.1.3. Cách hỏi về thời gian với “bao giờ”, “khi nào” .....	22
4.1.4. Cách dùng các phó từ chỉ thời gian: “đã”, “đang”, “sẽ”, “sắp” .....	23
4.1.5. Cách dùng các từ để hỏi: “mấy”, “bao nhiêu” .....	24
4.2. Thực hành.....	25
<b>5. Luyện tập .....</b>	<b>37</b>
5.1. Luyện đọc .....	37
5.2. Luyện nghe.....	40
5.3. Luyện nói.....	43
5.4. Luyện viết.....	44
<b>6. Thông tin cho bạn.....</b>	<b>47</b>
<b>BÀI 6. NGÀY, THÁNG, NĂM .....</b>	<b>49</b>
1. Ngữ âm: các vần bắt đầu từ âm ê .....	49
2. Hội thoại .....	51
3. Từ vựng.....	55
4. Ngữ pháp .....	57
4.1. Lí thuyết.....	57
4.1.1. Cách hỏi về thứ, ngày, tháng, năm, các mùa trong năm.....	57
4.1.2. Cách hỏi ngày sinh nhật.....	59
4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi với từ để hỏi “bao lâu” .....	59

4.1.4. Cách sử dụng câu hỏi có kết cấu “đã...chưa” .....	60
4.1.5. Cách sử dụng câu có kết cấu “Nếu...thì...” .....	61
4.2. Thực hành .....	61
<b>5. Luyện tập.....</b>	<b>73</b>
5.1. Luyện đọc.....	73
5.2. Luyện nghe .....	76
5.3. Luyện nói.....	78
5.4. Luyện viết.....	80
<b>6. Thông tin cho bạn .....</b>	<b>83</b>
<b>BÀI 7. ĐỒ VẬT .....</b>	<b>85</b>
<b>1. Ngữ âm: các vần bắt đầu từ âm i .....</b>	<b>85</b>
<b>2. Hội thoại.....</b>	<b>88</b>
<b>3. Từ vựng .....</b>	<b>93</b>
<b>4. Ngữ pháp .....</b>	<b>95</b>
4.1. Lí thuyết .....	95
4.1.1. Cách sử dụng đại từ nghi vấn “gì?” .....	95
4.1.2. Cách sử dụng câu hỏi với từ để hỏi “thế nào?” .....	95
4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi có kết cấu “... có + từ chỉ đặc điểm, tính chất + không?” .....	96
4.1.4. Đại từ chỉ định: đây, này, kia, đấy, đó .....	96
4.2. Thực hành .....	97
<b>5. Luyện tập.....</b>	<b>107</b>
5.1. Luyện đọc.....	107
5.2. Luyện nghe .....	109
5.3. Luyện nói.....	112
5.4. Luyện viết.....	114
<b>6. Thông tin cho bạn .....</b>	<b>116</b>
<b>BÀI 8. CON NGƯỜI .....</b>	<b>119</b>
<b>1. Ngữ âm: các vần bắt đầu từ âm o.....</b>	<b>119</b>
<b>2. Hội thoại.....</b>	<b>123</b>

<b>3. Từ vựng</b> .....	<b>128</b>
<b>4. Ngữ pháp</b> .....	<b>129</b>
4.1. Lí thuyết.....	129
4.1.1. Cách dùng từ chỉ đặc điểm, tính chất, bản chất, trạng thái.....	129
4.1.2. Cách dùng các từ chỉ mức độ.....	130
4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi (thế nào? như thế nào?) để hỏi về con người....	132
4.1.4. Cách dùng từ “nhi” ở cuối câu .....	133
4.2. Thực hành.....	133
<b>5. Luyện tập</b> .....	<b>141</b>
5.1. Luyện đọc .....	141
5.2. Luyện nghe.....	144
5.3. Luyện nói.....	148
5.4. Luyện viết.....	150
<b>6. Thông tin cho bạn</b> .....	<b>152</b>
<b>PHỤ LỤC BÀI NGHE</b> .....	<b>155</b>
<b>BÀI 5. CÁCH HỎI GIỜ</b> .....	<b>155</b>
5.2. Luyện nghe.....	155
<b>BÀI 6. NGÀY, THÁNG, NĂM</b> .....	<b>157</b>
5.2. Luyện nghe.....	157
<b>BÀI 7. ĐỒ VẬT</b> .....	<b>159</b>
5.2. Luyện nghe.....	159
<b>BÀI 8. CON NGƯỜI</b> .....	<b>161</b>
5.2. Luyện nghe.....	161
5.4. Luyện viết.....	164
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>165</b>



## LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, theo xu thế hội nhập quốc tế, ngày càng có nhiều người nước ngoài đến sinh sống, làm việc và học tập tại Việt Nam nói chung, Quảng Ninh nói riêng. Quảng Ninh là vùng đất có nhiều tiềm năng về kinh tế, du lịch, văn hoá, có sức hút lớn với người nước ngoài và học sinh, sinh viên quốc tế. Vì vậy, nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài tại Quảng Ninh ngày càng tăng.

Trường Đại học Hạ Long hiện nay đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Theo *Chiến lược phát triển của Trường Đại học Hạ Long giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn năm 2030*, ngôn ngữ là một trong hai lĩnh vực được Nhà trường chú trọng phát triển để đạt được vị thế hàng đầu trong cả nước. Trong đó công tác đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài đang được tạo mọi điều kiện tốt nhất để trở thành một trong những thế mạnh của Nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, công tác giảng dạy tiếng Việt vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định, trong đó khó khăn đầu tiên chính là chương trình và tài liệu giảng dạy: Hiện nay, việc đào tạo, đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt cho người nước ngoài thực hiện theo *Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT* về Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mặc dù vậy, tài liệu giảng dạy tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hiện nay ở nhiều trường đại học, trong đó có Trường Đại học Hạ Long, vẫn là những bộ tài liệu cũ, chưa được biên soạn sát với những yêu cầu cần đạt và chuẩn đầu ra ứng với từng kĩ năng ở từng bậc theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài quy định trong *Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT*.

Xuất phát từ những lí do đó, trường Đại học Hạ Long đã giao nhiệm vụ cho tổ bộ môn Ngữ văn và tiếng Việt cho người nước ngoài xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài bám sát *Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT* về Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Theo quy định trong *Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT*, Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được chia làm 3 cấp và 6 bậc, đó là: Sơ cấp (bậc



1, bậc 2), Trung cấp (bậc 3, bậc 4), Cao cấp (bậc 5, bậc 6). Bộ tài liệu giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài này vì thế cũng gồm 6 cuốn. Mỗi bậc một cuốn, mỗi cuốn có 16 bài, mỗi bài dạy 15 tiết (theo Chương trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài do Trường Đại học Hạ Long ban hành), mỗi bài biên soạn khoảng 35 đến 40 trang A4 (bao gồm cả tranh ảnh, biểu bảng, sơ đồ, ...)

Bộ 6 cuốn tài liệu hoàn thành, được nghiệm thu sẽ là tài liệu giảng dạy Tiếng Việt (trình độ Sơ cấp bậc 1, bậc 2; Trung cấp bậc 3, bậc 4 và Cao cấp bậc 5, bậc 6) chính thức (theo Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dùng cho người nước ngoài được quy định trong Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT) cho đối tượng người nước ngoài có nhu cầu học tiếng Việt tại Trường Đại học Hạ Long.

Cuốn tài liệu đầu tiên của bộ 6 cuốn tài liệu giảng dạy *Tiếng Việt cho người nước ngoài* thầy cô và các em đang cầm trên tay này là tài liệu giảng dạy và học tập *Tiếng Việt Sơ cấp bậc 1*. Cuốn này gồm 16 bài học với thời lượng 240 tiết. Bài đầu tiên giới thiệu chung về tiếng Việt (bảng chữ cái, âm, vần, thanh điệu, cấu tạo tiếng, cách ghép vần, đánh vần, một số mẫu câu tiếng Việt, v.v.), 15 bài học còn lại được thiết kế gắn với những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: Chào hỏi – làm quen, Quốc tịch – ngôn ngữ, Cách xưng hô của người Việt, Thời gian, Đồ vật, Con người, Sở thích, Nghề nghiệp, Ngôi nhà, Gia đình, Mua sắm, Gọi điện thoại.

Về cấu trúc mỗi bài, ngoại trừ bài 1 có cấu trúc khác biệt vì tính chất mở đầu, làm quen (*Giới thiệu chung về tiếng Việt; Giới thiệu một số mẫu câu, dạng câu tiếng Việt; Luyện tập*), cấu trúc các bài học còn lại đều thống nhất bao gồm 6 phần như sau: *Ngữ âm, Hội thoại, Từ vựng, Ngữ pháp, Luyện tập, Thông tin cho bạn*. Nội dung kiến thức, kĩ năng trong mỗi phần ở từng bài đều được thiết kế theo hướng đồng tâm, phát triển từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Hệ thống bài tập thực hành đa dạng, phong phú, tạo điều kiện cho các em được hình thành và rèn luyện thông thạo các kĩ năng sử dụng tiếng Việt, tự tin giao tiếp trong học tập và cuộc sống.

Trong quá trình biên soạn tài liệu, khi xây dựng vốn từ vựng, cung cấp những thông tin cần thiết cho người học, chúng tôi có tham khảo từ điển tiếng Việt, từ điển thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt và tham khảo các cuốn sách của các tác giả Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Việt Hương, tập thể giáo viên 123 Vietnamese để hình thành kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài học.

Cuốn tài liệu được phân công biên soạn như sau:

STT	TÁC GIẢ	BÀI BIÊN SOẠN
1	TS. Bế Thị Thu Huyền	Bài 1, Bài 2, Bài 3, Bài 4
2	ThS. Hà Ngọc Yến	Bài 5, Bài 6, Bài 7
3	TS. Bùi Thị Lan Hương	Bài 8, Bài 9, Bài 10
4	ThS. Nguyễn Thị Minh Thái	Bài 11, Bài 12, Bài 13
5	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương	Bài 14, Bài 15, Bài 16

Cuốn tài liệu này là sản phẩm đầu tay của nhóm tác giả trong việc biên soạn một tài liệu chuyên giảng dạy tiếng Việt cho đối tượng người học là người nước ngoài – một đối tượng hoàn toàn mới. Mặc dù các tác giả đã nỗ lực, cố gắng rất nhiều nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của đông đảo bạn bè đồng nghiệp, cũng như các em học sinh, sinh viên để cuốn tài liệu được hoàn thiện hơn và cũng là để chúng tôi rút kinh nghiệm biên soạn tốt hơn 5 cuốn tài liệu còn lại trong kế hoạch. Trân trọng cảm ơn!

**TM. Nhóm tác giả**

**Chủ biên**

*Bùi Thị Lan Hương*



# Bài 05

## CÁCH HỎI GIỜ

### 1. NGỮ ÂM: CÁC VẦN BẮT ĐẦU TỪ ÂM E

**HOẠT ĐỘNG 1** Đánh vần, đọc trơn các vần bắt đầu từ âm *e*

Các vần bắt đầu từ âm *e* gồm: *e, ec, em, en, et, ep, eo, eng*.

**HOẠT ĐỘNG 2** Tạo tiếng có vần bắt đầu từ âm *e* theo bảng sau:

`	
<i>b</i>	<i>e</i>

		`	´	,	~	.
<i>be</i>	<i>be</i>	<i>be</i>	<i>be</i>	<i>be</i>	<i>be</i>	<i>be</i>

	<i>e</i>	<i>ec</i>	<i>em</i>	<i>en</i>	<i>eng</i>	<i>eo</i>	<i>ep</i>	<i>et</i>
<i>b</i>								
<i>c</i>								
<i>ch</i>								
<i>d</i>								
<i>đ</i>								
<i>g</i>								
<i>gh</i>								
<i>gi</i>								

	<i>e</i>	<i>ec</i>	<i>em</i>	<i>en</i>	<i>eng</i>	<i>eo</i>	<i>ep</i>	<i>et</i>
<i>h</i>								
<i>k</i>								
<i>kh</i>								
<i>l</i>								
<i>m</i>								
<i>n</i>								
<i>ng</i>								
<i>nh</i>								
<i>ngh</i>								
<i>p</i>								
<i>ph</i>								
<i>q</i>								
<i>r</i>								
<i>s</i>								
<i>t</i>								
<i>th</i>								
<i>tr</i>								
<i>v</i>								
<i>x</i>								

### HOẠT ĐỘNG 3

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm *e*

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm *e* theo bảng đã hoàn thành.

## 2. HỘI THOẠI

### HOẠT ĐỘNG 4

Đọc đoạn hội thoại có chủ đề *Cách hỏi giờ*

#### HỘI THOẠI 1

- Hoa:** Hà ơi, muộn rồi! Dậy đi học thôi.  
**Hà:** Mấy giờ rồi?  
**Hoa:** Gần 7 giờ rồi.  
**Hà:** Còn sớm mà, tớ muốn ngủ thêm.  
**Hoa:** Tiết 1 bắt đầu lúc 7 giờ 30, cậu quên à?  
**Hà:** Hôm nay tớ được nghỉ học.  
**Hoa:** Thế cậu định làm gì hôm nay?  
**Hà:** Tớ định đi thư viện lúc 8 giờ.  
**Hoa:** Mấy giờ cậu về?  
**Hà:** Tầm 11 giờ 15 phút. Mấy giờ cậu tan học?  
**Hoa:** 11 giờ 30 phút. Chúng mình cùng đi ăn trưa nhé!  
**Hà:** Ừ. Mình sẽ đợi cậu.

#### HỘI THOẠI 2

- Nam:** Bác ơi, bác mở cổng cho cháu vào với!  
**Bác bảo vệ:** Bây giờ là mấy giờ rồi?  
**Nam:** 8 giờ 15 phút ạ.  
**Bác bảo vệ:** Cháu có biết mấy giờ vào lớp không?  
**Nam:** 8 giờ ạ.  
**Bác bảo vệ:** Sao cháu lại đi học muộn thế?  
**Nam:** Cháu đến bến thì xe buýt đã đi được 5 phút.  
**Bác bảo vệ:** Mấy giờ cháu đến bến xe?  
**Nam:** 7 giờ 50 phút ạ.  
**Bác bảo vệ:** Lần sau đi sớm hơn nhé.  
**Nam:** Vâng ạ.



**HOẠT ĐỘNG 5****Tìm hiểu nội dung đoạn hội thoại**

**Bài tập 1.** Dựa vào Hội thoại 1, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Hoa gọi Hà dậy lúc gần 7 giờ.		
2	Tiết 1 bắt đầu lúc 7 giờ.		
3	Hà đi thư viện về lúc 11 giờ 30 phút.		
4	Hoa và Hà định đi ăn trưa lúc 11 giờ 15 phút.		

**Bài tập 2.** Đọc Hội thoại 1 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Trong Hội thoại 1, Hà gọi Hoa dậy để làm gì?

.....

2. Hà định đi thư viện từ mấy giờ đến mấy giờ?

.....

3. Hoa đi học từ mấy giờ đến mấy giờ?

.....

4. Hoa và Hà định cùng nhau ăn trưa lúc mấy giờ?

.....

**Bài tập 3.** Dựa vào Hội thoại 2, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Nam đến trường lúc 8 giờ.		
2	Tiết 1 bắt đầu lúc 8 giờ.		
3	Chuyến xe buýt khởi hành lúc 7 giờ 50 phút.		
4	Nam đợi 5 phút xe buýt mới đến.		

**Bài tập 4.** Đọc Hội thoại 2 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Trong hội thoại 2, Nam đến trường muộn bao nhiêu phút?

.....

2. Vì sao Nam đến trường muộn?

.....

3. Chuyến xe buýt xuất phát lúc mấy giờ?

.....

4. Nam đến bến xe lúc mấy giờ?

.....

## **HOẠT ĐỘNG 6** Thực hành hội thoại

Xây dựng các hội thoại theo các tình huống sau rồi thực hành hội thoại trước lớp.

**Tình huống 1.** Hỏi giờ sinh hoạt ở kí túc xá.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....





### 3. TỪ VỰNG

Từ vựng về chủ đề <i>Cách hỏi giờ</i>			
giờ	tối	chậm	hiện tại
phút	nhiều	lúc/ khi/ vào	quá khứ
giây	ít	kip	tương lai
đúng	sáng (buổi sáng)	gần	thường/ hay
hơn	trưa (buổi trưa)	quá	đầu tiên
kém	chiều (buổi chiều)	đông	cuối cùng
rưỡi	tối (buổi tối)	đã	bắt đầu
tiếng	khuya	từng	kết thúc
ban ngày	muộn	đang	thưa
ban đêm	sớm	sẽ	
sáng	nhanh	sắp	

#### HOẠT ĐỘNG 7

Giải nghĩa, đặt câu với từ mới

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



## 4. NGŨ PHÁP

### 4.1. LÍ THUYẾT

#### 4.1.1. Số đếm từ 1 đến 100

0:	không	4:	bốn	8:	tám
1:	một	5:	năm	9:	chín
2:	hai	6:	sáu	10:	mười
3:	ba	7:	bảy/ bảy		

#### a. Số đếm chẵn chục

Cách nói:

<b>Số đếm</b> + <b>mười</b>
-----------------------------

Ví dụ: 20 (hai mươi), 30 (ba mươi).

#### b. Số đếm chẵn trăm

Cách nói:

<b>Số đếm</b> + <b>trăm</b>
-----------------------------

Ví dụ: 100 (một trăm), 200 (hai trăm).

#### c. Số đếm ghép

+ Từ 11 đến 19:

Cách nói:

<b>Mười</b> + <b>số đếm</b>
-----------------------------

Ví dụ: 11 (mười một), 12 (mười hai),... , 19 (mười chín).

+ Từ 21 đến 99:

Cách nói:

<b>Số đếm</b> + <b>(mười)</b> + <b>số đếm</b>
---

Ví dụ: 21 (hai mươi mốt), 22 (hai mươi hai), (...), 86 (tám mươi sáu), (...), 99 (chín mươi chín).

Lưu ý:

- Số tận cùng 1 đọc là “mốt” khi số đứng trước nó là từ số 2 đến số 9.
- Số tận cùng 4 đọc là “tư” (hoặc “bốn”) khi số đứng trước nó là từ số 2 đến số 9.
- Số tận cùng 5 đọc là “lăm” khi số đứng trước nó là số 1.
- Số tận cùng 5 đọc là “lăm” (hoặc “nhăm”) khi số đứng trước nó là từ số 2 đến số 9.

#### 4.1.2. Cách hỏi giờ

##### a. Cách nói giờ

+ Khi không muốn nói chính xác:

<b>Số</b>	<b>+ giờ</b>	<b>+ hơn</b>
		<b>+ kém</b>

Ví dụ: 10 giờ hơn, 6 giờ hơn, 8 giờ kém.

+ Khi cần nói chính xác:

<b>Số</b>	<b>+ giờ</b>	<b>+ số</b>	<b>+ phút</b>
-----------	--------------	-------------	---------------

Ví dụ: 10 giờ 7 phút, 6 giờ 3 phút.

Lưu ý:

+ Nếu số phút là chẵn 5, 10 thì có thể bỏ "phút".

Ví dụ: 10 giờ 5, 6 giờ 10.

+ 30 phút có thể nói ruỡi: “số (giờ) + ruỡi”

Ví dụ: 8 (giờ) ruỡi, 9 (giờ) ruỡi.

+ Từ phút thứ 31 đến phút thứ 59 có thể nói theo chiều tăng:

Ví dụ: 10 giờ 35, 10 giờ 55...

Hoặc nói theo chiều giảm (kém):

Ví dụ: 11 giờ kém 25 (10 giờ 35 phút), 11 giờ kém 5 (10 giờ 55 phút).

+ Khi kim phút ở số 12, có thể nói: "số giờ + đúng" hoặc "đúng + số giờ"

Ví dụ: "10 giờ đúng" hoặc "đúng 10 giờ".

+ Có thể thêm "sáng, trưa, chiều, tối, đêm" + "số giờ".

Ví dụ: 10 giờ = 10 giờ sáng, 13 giờ = 1 giờ chiều.

### **b. Cách hỏi giờ**

Dùng để hỏi về thời gian diễn ra một sự việc, hiện tượng hay hoạt động nào đó.

+ Cách hỏi giờ thông thường (giờ hiện tại)

Cách hỏi này thường đi với các danh từ chỉ thời gian hiện tại.

Cấu trúc ngữ pháp:

<b>Bây giờ</b>			
<b>Lúc này</b>	<b>+ là</b>		<b>+ mấy giờ?</b>

Ví dụ:

1. Bây giờ là mấy giờ?

2. Lúc này là mấy giờ?

Khi không chắc chắn về giờ, người ta có thể dùng cách hỏi:

<b>Bây giờ</b>	<b>+ là</b>	<b>+ số giờ</b>	<b>+ phải không?</b>
----------------	-------------	-----------------	----------------------

Ví dụ:

1. Bây giờ là 8 giờ phải không?

2. Hiện tại là 11 giờ trưa phải không?

+ Cách hỏi giờ thời quá khứ, tương lai

Cách hỏi này thường đi với các danh từ chỉ thời gian (quá khứ hoặc tương lai) và gắn với các hành động, sự việc cụ thể.

Cấu trúc ngữ pháp:

Cách 1:

<b>Từ chỉ thời gian</b>	<b>+ CN</b>	<b>+ ĐgT/ CĐgT</b>	<b>+ lúc/ khi</b>	<b>+ mấy giờ?</b>
-------------------------	-------------	--------------------	-------------------	-------------------

Ví dụ:

1. Ngày mai, anh đi Hà Nội lúc mấy giờ?
2. Hôm qua, anh đã ăn cơm lúc mấy giờ?

Cách 2:

<b>Từ chỉ thời gian</b>	<b>+ mấy giờ</b>	<b>+ CN</b>	<b>+ ĐgT/ CĐgT?</b>
	<b>+ lúc nào</b>		

Ví dụ:

1. Ngày mai, mấy giờ anh đi du lịch?
2. Hôm qua, lúc nào bạn ngủ?

#### 4.1.3. Cách hỏi về thời gian với “bao giờ”, “khi nào”

“Bao giờ”, “khi nào” dùng để hỏi về thời gian hành động diễn ra.

Cấu trúc ngữ pháp:

+ Cách 1:

<b>Bao giờ</b>	<b>+ CN</b>	<b>+ ĐT/ cụm ĐT?</b>
<b>Khi nào</b>		<b>+ TT/ cụm TT?</b>

Ví dụ:

1. *Khi nào* chúng em sẽ đi tham quan Vịnh Hạ Long?
2. *Bao giờ* các bạn đi đá bóng?
3. *Khi nào* nước sẽ nóng?

+ Cách 2:

<b>CN</b>	<b>+ ĐgT/ CĐgT</b>	<b>+ bao giờ?</b>
	<b>+ TT/ CTT</b>	<b>+ khi nào?</b>

1. Anh ấy học bài *khi nào*?
2. Kim-mi tốt nghiệp đại học *bao giờ* (thế)?

Lưu ý: “Bao giờ”, “khi nào” kết hợp với các phó từ chỉ thời gian sẽ giúp xác định thời điểm mà hành động diễn ra ở thời quá khứ hay tương lai.

Ví dụ:

1. Bao giờ anh sẽ sang Việt Nam?
2. Cô ấy đã đến đây *khi nào*?

#### 4.1.4. Cách dùng các phó từ chỉ thời gian: “đã”, “đang”, “sẽ”, “sắp”

“Đã”, “đang”, “sẽ”, “sắp” là các phó từ chỉ thời và nó thường kết hợp với động từ, tính từ để chỉ thời gian mà hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất của sự việc, đối tượng, hiện tượng nào đó diễn ra. Cụ thể:

##### a. Đã

+ Từ “đã” dùng để chỉ hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất của sự việc, đối tượng, hiện tượng nào đó diễn ra trong quá khứ (hay một việc gì đó đã được thực hiện và còn đang tiếp tục).

Ví dụ:

1. Tôi *đã* làm bài tập rồi.
2. Anh ấy *đã* đi đá bóng.
3. Cô giáo *đã* bắt đầu giảng bài.

+ Từ “đã” thường đi với các danh từ chỉ thời gian trong quá khứ, như: hôm qua, hôm kia, tuần trước, tháng trước, năm ngoái, ...

Ví dụ:

1. Tôi *đã* hiểu những gì anh ấy nói.
2. Hôm qua, chúng tôi *đã* đi tham quan khu kí túc xá sinh viên quốc tế.

##### b. Đang

+ Từ “đang” dùng để kể, miêu tả những hành động, sự việc xảy ra ở hiện tại.

Ví dụ:

1. Tôi *đang* đọc sách.
2. Chị ấy *đang* xem phim.

+ Từ “đang” thường đi với các danh từ chỉ thời gian hiện tại như: hiện nay, bây giờ, giờ này, tháng này...



Ví dụ:

1. Chúng tôi *đang* học tập tại khu giảng đường mới.
2. Hiện nay, tôi *đang* học ở Việt Nam.

### c. *Sẽ*

+ Từ “*sẽ*” dùng để kể, miêu tả những hành động, sự việc,... có thể xảy ra ở tương lai.

Ví dụ:

1. Tôi *sẽ* học bài xong trong tối nay.
2. Ngày mai, em *sẽ* đi chợ mua quần áo.

+ Từ “*sẽ*” thường đi với các danh từ chỉ thời gian trong tương lai như: tuần tới, tháng tới, năm tiếp (theo),...

Ví dụ:

1. Nó *sẽ* cao hơn nếu chăm chỉ tập thể dục.
2. Chúng tôi *sẽ* đi xem phim lúc 19 giờ.

### d. *Sắp*

Từ “*sắp*” dùng để kể, miêu tả những hành động, sự việc,... có thể xảy ra ở tương lai gần (sát với hiện tại).

Ví dụ:

1. Trời *sắp* tối rồi, chúng ta về thôi kéo muộn.
2. Cô giáo *sắp* đến rồi, mọi người đừng nói chuyện nữa.

Lưu ý: Vì từ “*sắp*” chỉ tương lai gần sát với hiện tại nên không cần đi kèm với các danh từ chỉ thời gian trong tương lai.

#### 4.1.5. Cách dùng các từ để hỏi: “*mấy*”, “*bao nhiêu*”

##### a. Các từ “*mấy*”, “*bao nhiêu*”

Các từ “*mấy*”, “*bao nhiêu*” dùng trong câu để hỏi về số lượng.

Ví dụ:

1. Gia đình bạn có *mấy* người?
2. Một giờ có *bao nhiêu* phút?

Lưu ý:

- Người ta thường dùng “mấy” để hỏi khi số lượng ít hơn 10.
- Người ta thường dùng “bao nhiêu” để hỏi khi số lượng lớn hơn 10.
- Khi chưa xác định được số lượng là ít hay nhiều, người ta có thể dùng “bao nhiêu” để hỏi.

**b. Phân biệt: mấy, bao nhiêu/ thứ mấy, thứ bao nhiêu.**

STT	mấy/ bao nhiêu	thứ mấy/ thứ bao nhiêu
Ý nghĩa	- Hỏi về số lượng.	- Hỏi về số thứ tự.
Ví dụ	- Hôm nay bạn học mấy tiết tiếng Việt? - Bạn đọc mấy bài?	- Hôm nay, bạn học tiếng Việt tiết thứ mấy? - Bạn đọc bài thứ mấy?

## 4.2. THỰC HÀNH

### HOẠT ĐỘNG 8

### Thực hành ngữ pháp

**Bài tập 1.** Hãy viết các cách đọc cho các số sau đây:

Mẫu:

3: ba

16: mười sáu

7: .....

41: .....

9: .....

55: .....

11: .....

88: .....

25: .....

92: .....

30: .....

100: .....

**Bài tập 2.** Hãy viết các số cho các cách đọc sau:

Mẫu:

– mười ba: 13

– ba mươi sáu/ ba sáu: 36

- mười bốn:..... - sáu hai: .....
- hai mươi lăm: ..... - bảy mươi tám: .....
- ba mươi tư: ..... - tám mươi bảy: .....
- bốn mươi lăm: ..... - tám tám: .....
- năm mươi lăm: ..... - chín mươi tư: .....

**Bài tập 3.** Tìm cách đọc sai trong các cách đọc số dưới đây và sửa lại.

STT	Cách đọc	Đúng	Sai	Sửa lại
1	- Mười tư			
2	- Mười lăm			
3	- Hai mươi tám			
4	- Ba mươi bảy			
5	- Bốn lăm			
6	- Bốn năm			
7	- Lăm mươi ba			
8	- Năm mươi năm			
9	- Năm mươi sáu			
10	- Bảy mươi tư			
11	- Tám mươi bốn			
12	- Chín bảy			

**Bài tập 4.** Nhìn các bức tranh sau và nói giờ của chúng.



**Bài tập 5.** Ghép các tranh ở cột A với số giờ ở cột B cho đúng.



a. 7 giờ kém 10 phút



b. 8 giờ 12 phút



c. 4 giờ 5 phút



d. 11 giờ 22 phút



e. 5 giờ kém 2 phút



f. 7 giờ 7 phút



g. 12 giờ 16 phút



h. 10 giờ 13 phút

**Bài tập 6.** Đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

1. ....

– Anh ấy ăn sáng lúc 7 giờ 15 phút.

2. ....

– Cô ấy thường đi làm lúc 7 giờ 45 phút.

3. ....

– Tiết học đầu tiên của tôi bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút.

4. ....

– 9 giờ 15 phút sẽ có chuyến xe buýt tiếp theo.

5. ....

– Tôi ăn trưa lúc 11 giờ hơn tại căng tin nhà trường.

6. ....

– 6 giờ đúng tôi dậy và 6 giờ 30 phút tôi ăn sáng.

7. ....

– Công ty anh ấy tan làm lúc 5 giờ chiều.

8. ....

– Mẹ tôi thường đi ngủ lúc 10 giờ đêm.

**Bài tập 7.** Đặt câu hỏi và câu trả lời dựa vào nội dung các bức hình sau:



Mẫu:

- Bạn ăn sáng lúc mấy giờ?
- Tôi ăn sáng lúc 7 giờ.

Hà Nội



.....

.....

.....

.....

Bảo tàng Hồ Chí Minh



.....

.....

.....

.....

Tập thể dục



.....

.....

.....

.....

Nấu cơm



.....

.....

.....

.....



## Đá bóng



.....

.....

.....

.....

## Đi siêu thị



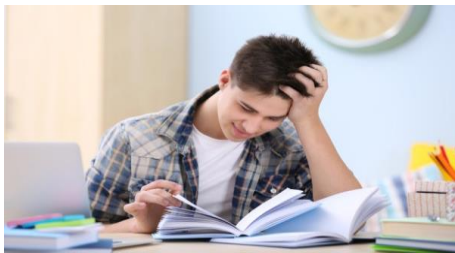
.....

.....

.....

.....

## Đọc sách



.....

.....

.....

.....

## Đi xem phim



.....

.....

.....

.....

### **Bài tập 8.** Trả lời các câu hỏi sau:

1. Một tuần em học tiếng Việt mấy buổi?

.....

2. Bạn có bao nhiêu quyển vở?

.....

3. Trong túi này có bao nhiêu quả cam?

.....



4. Phòng bạn có mấy người?

.....

5. Bạn có mấy cái bút chì?

.....

6. Phim này có mấy tập?

.....

7. Cô ấy biết mấy ngoại ngữ?

.....

8. Trường Đại học Hạ Long có bao nhiêu kí túc xá?

.....

**Bài tập 9.** Dùng “mấy”, “bao nhiêu” để đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

1. ....

– Tiết học đầu tiên của tôi bắt đầu lúc 7 giờ sáng.

2. ....

– Chúng tôi học 3 tiết tiếng Việt vào buổi sáng.

3. ....

– Mỗi ngày, tôi thường tập thể dục 30 phút.

4. ....

– Cô ấy có 2 em trai và 1 em gái.

5. ....

– Năm nay mẹ tôi 50 tuổi.

6. ....

– Lớp tôi có 18 sinh viên nam và 12 sinh viên nữ.

7. ....

– Mỗi ngày tôi luyện nói tiếng Việt 1 giờ đồng hồ.

8. ....

– Bạn ấy học bài lúc 8 giờ 15 phút.

**Bài tập 10.** Dùng “*mấy*”, “*bao nhiêu*” để đặt câu hỏi và câu trả lời cho các bức tranh sau:

Mẫu:

quả trứng



- Trong ảnh (tranh/ hình vẽ) có *mấy* quả trứng?
- Trong ảnh có 2 quả trứng.

Con gà



.....

.....

.....

.....

Con thỏ



.....

.....

.....

.....

Con chó



.....

.....

.....

.....

Hoa hồng



.....

.....

.....

.....

Đồng hồ



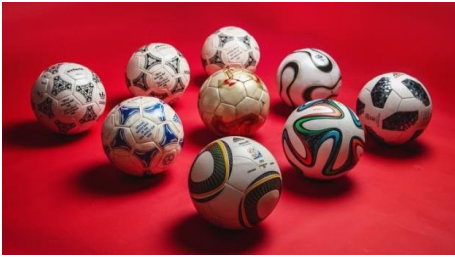
.....

.....

.....

.....

Quả bóng đá



.....

.....

.....

.....

Bát con



.....

.....

.....

.....

Xe máy



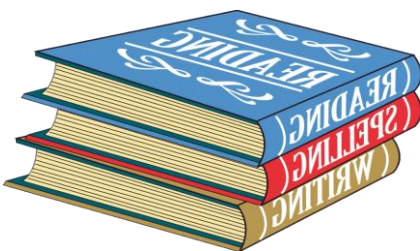
.....

.....

.....

.....

Quyển sách



.....

.....

.....

.....

**Bài tập 11.** Dùng “bao giờ”, “khi nào” để đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

1. ....

– Tôi gặp cô ấy khi mới đến Việt Nam.

2. ....

– 30 phút nữa chúng tôi sẽ đi xem phim.

3. ....

– Tôi đã gọi điện cho anh ấy cách đây 2 tiếng.

4. ....

– Chiều nay chúng tôi sẽ có mặt tại kí túc xá.

5. ....

– Ăn cơm xong chúng em sẽ luyện nói cùng nhau.

6. ....

– Học bài xong tôi sẽ nghe nhạc.

7. ....

– Anh ấy đến Quảng Ninh chiều nay.

8. ....

– Sáng nay chúng tôi nói chuyện với các bạn Việt Nam.

**Bài tập 12:** Ghép câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A
Bạn chơi thể thao khi nào?
Khi nào bạn sẽ đi du lịch ở Việt Nam?
Bao giờ các bạn đi chơi?
Bạn ăn sáng khi nào?
Bạn thích ca nhạc từ bao giờ?
Anh ấy và bạn quen nhau khi nào?
Bao giờ chúng ta sẽ đi thăm anh ấy?

B
Cuối tuần, lúc ấy chúng tôi được nghỉ.
Tôi đi chơi đá bóng cùng các bạn sau khi tan học.
Khi chúng tôi mới sang Việt Nam.
Khi tôi nói tốt tiếng Việt.
Khi bác sĩ đồng ý.
Khi tôi tập thể dục xong.
Từ khi tôi nghe thấy cô ấy hát.

**Bài tập 13.** Lựa chọn từ “đã”, “sẽ”, “đang”, “sắp” để điền vào chỗ trống cho phù hợp.

1. Ngày mai, chúng tôi ..... học với giáo viên người Anh.
2. Bây giờ, An- na và Pi- tơ ..... học ở thư viện.
3. Năm sau, các bạn sinh viên Lào ..... học đại học ở Việt Nam.
4. Tôi ..... đi học thì trời mưa.
5. Tối nay, tôi ..... làm hết các bài tập.
6. Hiện nay, em tôi ..... học lớp 2.
7. Tôi ..... ngủ thì mẹ gọi điện thoại.

**Bài tập 14.** Hoàn thành các câu sau:

1. Sau khi làm bài tập xong, tôi sẽ .....
2. Cuối tháng nên chị ấy sắp .....
3. Khi nào buồn tôi sẽ .....
4. Cô ấy đang ..... thì có điện thoại của mẹ.
5. Anh ấy sắp ..... thì mất điện.
6. Chị ấy đang ..... Việt Nam.
7. Mi - na đã ..... xong và sẽ .....
8. Cô ấy đã ..... tuổi và sắp .....

**Bài tập 15.** Sắp xếp các từ/ cụm từ sau thành câu đúng.

1. em/ đã/ Bây giờ/ hiểu/ bài/./  
.....
2. thư viện/ ./ Hùng/ đọc/ đang/ sách/ ở  
.....
3. Học/ bạn/ xong/làm gì/ ?/sẽ  
.....
4. tiếng/ ngày/?/ ngủ/ bạn/ Một/ mấy  
.....

5. bố mẹ/ Việt Nam/ thăm/./ sang/ tôi/ Tháng tới/ sẽ

.....

6. bông hoa/ ?/ bao nhiêu/ cánh/ Một/ có

.....

7. cô ấy/ ?/ du lịch/ sẽ/ đi/ Viên Chăn/ Bao giờ

.....

8. Buổi chiều/ 2/học/ ./ chúng tôi/ tiết

.....

## 5. LUYỆN TẬP

### 5.1. LUYỆN ĐỌC

#### HOẠT ĐỘNG 9

#### Luyện đọc thành tiếng

#### Hội thoại

**Nhân viên bán vé:** Chào anh. Tôi có thể giúp gì cho anh?

**Hỏi:** Chào chị. Tôi muốn mua vé xe đi Sa Pa.

**Nhân viên bán vé:** Vâng. Anh muốn đi chuyến mấy giờ ạ?

**Hỏi:** Có những chuyến nào hả chị?

**Nhân viên bán vé:** Chuyến 7 giờ 30 phút, 9 giờ, 10 giờ 30 phút và 14 giờ.

**Hỏi:** Tôi muốn đi chuyến 9 giờ có kịp không chị? Tôi đang có việc gấp.

**Nhân viên bán vé:** Bây giờ là 9 giờ 6 phút. Xe đi được 6 phút rồi anh ạ.

**Hỏi:** Vậy chị cho tôi mua vé chuyến 10 giờ 30 nhé.

**Nhân viên bán vé:** Vâng ạ.



### Một ngày của Pa-thu-ma

Tôi là Pa-thu-ma, tôi là người Lào. Hiện nay, tôi đang học tiếng Việt tại Trường Đại học Hạ Long. Một tuần chúng tôi học 5 ngày từ thứ hai đến thứ sáu, trừ thứ bảy và chủ nhật. Vì chúng tôi sang học muộn nên mỗi ngày chúng tôi phải học cả sáng và chiều. Buổi tối, chúng tôi tự học tại phòng. Buổi sáng, chúng tôi học từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, nghỉ giải lao 30 phút. Buổi chiều, chúng tôi học từ 14 giờ đến 16 giờ 30 phút, nghỉ giải lao 20 phút. Thời gian nghỉ giải lao chúng tôi có thể hỏi bài và luyện nói tiếng Việt với giáo viên. Tôi thường ăn tối muộn hơn các bạn vì bạn gọi điện cho bố mẹ và bạn bè. Đến 20 giờ, tôi sẽ học bài cùng các bạn trong phòng. Chúng tôi tuy khác huyện nhưng đều là người tỉnh Hòa Phẫn. Vì thế, chúng tôi rất thân thiết và luôn giúp đỡ nhau. Mỗi tối, chúng tôi luyện nói và làm bài tập với nhau 2 giờ đồng hồ. Khoảng 10 giờ 20 tôi sẽ chuẩn bị sách vở cho buổi học ngày mai rồi sau đó đi ngủ.

### HOẠT ĐỘNG 10 Luyện đọc hiểu

#### Hội thoại

**Bài tập 1.** Dựa vào Hội thoại trên, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Khi Hải đến nơi thì chuyển xe 7 giờ 30 phút đã xuất bến được 6 phút.		
2	Hải muốn đi chuyển xe 9 giờ nhưng đã hết vé.		
3	Chuyển xe 9 giờ xuất bến muộn 6 phút.		
4	Hải muốn đi chuyển sớm nhất vì đang có việc gấp.		

**Bài tập 2.** Đọc Hội thoại trên và trả lời các câu hỏi sau:

1. Có mấy chuyến xe đi Sa Pa?

A. 1.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 4.

2. Hải muốn đi chuyến xe lúc mấy giờ?

A. 9 giờ.                B. 9 giờ.                C. 10 giờ 30.            D. 14 giờ.

3. Hải mua vé đi chuyến xe lúc mấy giờ?

A. 9 giờ.                B. 9 giờ.                C. 10 giờ 30.            D. 14 giờ.

4. Vì sao Hải không đi được chuyến xe lúc 9 giờ?

A. Vì xe xuất bến muộn 6 phút.            B. Vì xe xuất bến sớm 6 phút.

C. Vì Hải đến muộn 6 phút.                D. Vì Hải đến sớm 6 phút.

## Bài đọc

**Bài tập 1.** Dựa vào nội dung bài đọc, hoàn thành các câu sau:

1. Trong tuần, Pa-thu-ma được nghỉ ..... ngày, đó là .....

.....

2. Pa-thu-ma phải học tiếng Việt cả sáng và chiều vì .....

.....

3. Thời gian nghỉ giải lao, Pa-thu-ma và các bạn thường .....

.....

4. Buổi tối, Pa-thu-ma và các bạn cùng nhau .....

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung bài đọc, hãy chọn câu trả lời đúng.

1. Một tuần Pa-thu-ma học mấy buổi?

A. 2.                      B. 5.                      C. 10.                      D. 12.

2. Buổi sáng, Pa-thu-ma học tất cả bao nhiêu thời gian?

A. 2 tiếng 10 phút.                              B. 2 tiếng 30 phút.

C. 3 tiếng 30 phút.                              D. 4 tiếng.





3.

- A. 6 giờ.                      B. 7 giờ.                      C. 7 giờ 30 phút.                      D. 8 giờ.

4.

- A. 3 tiếng.                      B. 6 tiếng.                      C. 7 tiếng rưỡi.                      D. 8 tiếng.

5.

- A. Vì Lan dậy sớm.                      B. Vì Tuấn không dậy được sớm.  
C. Cả A và B đều đúng.                      D. Cả A và B đều sai.

**Bài tập 3.** Dựa vào hội thoại trên, trả lời các câu hỏi sau.

1. Tuấn và Lan nói với nhau về chuyện gì?

.....  
.....

2. Mỗi ngày, Lan học từ mấy giờ đến mấy giờ?

.....  
.....

3. Buổi sáng, Lan thường làm gì?

.....  
.....

4. Mỗi ngày Lan học mấy tiếng?

.....  
.....

**HOẠT ĐỘNG 12**

**Luyện nghe độc thoại**

**Bài tập 1.** Nghe và chọn đáp án đúng.

1. Anh ấy đang làm gì?

- A. Nghe nhạc.                      B. Giặt quần áo.  
C. Nghe nhạc và giặt quần áo.                      D. Không nghe nhạc và giặt quần áo.

2. Anh ấy bắt đầu học lúc mấy giờ?

A. 7 giờ 15 phút.

B. 7 giờ 45 phút.

C. 8 giờ.

D. 11 giờ 30 phút.

3. Họ hẹn nhau đi ăn lúc mấy giờ?

A. 7 giờ.

B. 7 giờ 30 phút.

C. 19 giờ.

D. 19 giờ 30 phút.

4. Anh ấy đến rạp chiếu phim lúc mấy giờ?

A. 20 giờ 30 phút.

B. 20 giờ 45 phút.

C. 20 giờ 15 phút.

D. 20 giờ.

5. Gia đình cô ấy có mấy người?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

6. Lớp An-na có tất cả bao nhiêu sinh viên?

A. 9.

B. 10.

C. 19.

D. 20.

7. Khi nào năm học mới bắt đầu?

A. buổi sáng.

B. buổi chiều.

C. ngày hôm ấy.

D. ngày mai.

8. Sau này, Bua-von sẽ làm việc ở đâu?

A. Tiếng Việt.

B. Đại học.

C. Hà Nội.

D. Quảng Ninh.

### **Bài tập 2.** Nghe và điền vào chỗ trống.

Vào mỗi buổi sáng, tôi dậy vào lúc ..... (1) Sau khi đánh răng, rửa mặt, tôi thường ăn sáng vào lúc 6 giờ..... (2) Tôi đi làm bằng xe máy và tới chỗ làm vào lúc.....(3) giờ 15. Tôi mất ..... (4) phút để đi từ nhà đến trường. Tôi thường bắt đầu công việc vào lúc ..... (5) Tôi nghỉ và ăn trưa vào lúc 11 giờ ..... (6)tại văn phòng trường. Buổi chiều, tôi làm xong lúc ..... (7) và sau đó tôi về nhà. Tôi luôn dành thời gian để nấu bữa tối cho gia đình nhỏ của tôi và chúng tôi thường ăn tối vào lúc ..... (8) Sau bữa tối, chúng tôi thường xem ti vi và chơi cùng con trai. Sau đó, tôi soạn giáo án và đi ngủ vào lúc ..... (9). Vào các ngày cuối tuần, tôi thường ra ngoài với gia đình hoặc bạn bè.

(<https://lazi.vn/edu/exercisel/viet-doan-van-khoang-20-dong-ke-ve-mot-ngay-lam-viec-cua-em>)

**Bài tập 3.** Dựa vào nội dung bài đọc trên, nghe câu hỏi và chọn đáp án đúng.

1.

A. Tập thể dục.    B. Đánh răng.    C. Rửa mặt.    D. Ăn sáng.

2.

A. 6 giờ 45.    B. 7 giờ.    C. 7 giờ 15.    D. 7 giờ 30.

3.

A. đến đúng giờ.    B. 30 phút.    C. 15 phút.    D. 45 phút.

4.

A. 1.    B. 2.    C. 3.    D. 4.

5.

A. sau khi ăn tối.    B. sau khi xem ti vi.  
C. sau khi chơi với con trai.    D. sau khi soạn giáo án.

### 5.3. LUYỆN NÓI

#### HOẠT ĐỘNG 13 Luyện nói độc thoại

**Bài tập 1.** Giới thiệu về thời gian học tập/ sinh hoạt của bản thân trong 1 ngày ở Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 2.** Giới thiệu về thời gian học tập/ sinh hoạt của bản thân trong 1 ngày khi chưa sang Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HOẠT ĐỘNG 14**    **Luyện nói hội thoại**

**Bài tập 1.** Lập hội thoại hỏi giờ đi tham quan.

**Bài tập 2.** Lập hội thoại hỏi giờ đi xem bộ phim mà bạn yêu thích.

**5.4. LUYỆN VIẾT**

**HOẠT ĐỘNG 15**    **Luyện viết chính tả**

Nhìn và viết bài chính tả sau:

**Giấc ngủ trưa hè**

À ơi! giấc ngủ trưa hè

Ngủ ngoan con nhé! Tiếng ve lịm rồi

Ao trưa đàn vịt nghỉ bơi

Lim dim ngủ dưới gốc sồi già nua

À ơi! giấc ngủ ban trưa

Bình yên nghe gió gọi mùa nồm rong

Cha còn đốt rạ ngoài đồng  
Nắng gay gắt hoá thành dòng mồ hôi  
À ơi! giấc ngủ vành nôi  
Bềnh bồng câu hát... a ời mẹ ru.

*(<https://thietbimamnonvietmy.vn/nhung-bai-tho-ve-mua-he-cho-tre-mam-non/>)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HOẠT ĐỘNG 16** Luyện viết đoạn văn

Viết đoạn văn ngắn (4 – 6 câu) kể về những công việc hàng ngày của bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG 17 **Luyện viết ghi chú**

Viết ghi chú về công việc cần làm.

Gợi ý:

- Làm việc gì?
- Làm lúc nào?
- Làm với ai?
- Những lưu ý thêm. (Ví dụ: cần chuẩn bị đồ dùng, đồ ăn uống, trang phục, phương tiện, ...)

## 6. THÔNG TIN CHO BẠN

### Những câu nói hay về thời gian



- Kẻ tầm thường chỉ lo tìm cách giết thời gian, còn người có tài thì tìm mọi cách tận dụng thời gian. (*Sưu tâm*)
- Thời gian thay đổi và chúng ta cũng thay đổi theo thời gian. (*Ngạn ngữ Đức*)
- Cuộc sống quá ngắn ngủi. Hận thù chỉ tàn phá những hạnh phúc tuyệt vời bạn đang có. Hãy cười khi bạn có thể và quên đi những gì bạn không thể thay đổi. (*Sưu tâm*)
- Đừng thương tiếc hôm qua, đừng đợi ngày mai, đừng lãng tránh hôm nay. (*Ngạn ngữ Pháp*)
- Giống như tuyết mùa đông trên bãi cỏ mùa hè, thời gian đã qua là thời gian đã mất. (*Sưu tâm*)
- Nếu thời gian là thứ đáng giá nhất, phí phạm thời gian hẳn phải là sự lãng phí ngông cuồng nhất. (*Benjamin Franklin*)
- Thời gian đã mất không bao giờ tìm lại được. (*Benjamin Franklin*)



## Bao nhiêu tiền cũng không mua nổi một ngày được sống

Có một người đàn ông rất keo kiệt, lúc nào cũng chăm chăm tiết kiệm tiền mà không dám ăn tiêu gì. Tích cóp cả đời, anh ta để dành được cả một gia tài lớn. Không ngờ một ngày, Thần Chết đột nhiên xuất hiện đòi đưa anh ta đi. Lúc này, người đàn ông chợt nhận ra, anh ta chưa kịp tận hưởng một chút nào từ số tiền đã làm ra.



Anh ta bèn nài ni thần chết:

– Hãy cho tôi sống thêm một năm nữa, tôi sẽ chia 1/3 số tài sản của tôi cho Ngài.

– Không được. – Thần Chết lắc đầu.

– Vậy tôi đưa Ngài một nửa. Ngài cho tôi nửa năm nữa, được không? – Anh ta tiếp tục van xin.

– Không được. – Thần Chết vẫn không đồng ý.

Anh ta vội nói:

– Vậy... tôi xin giao hết của cải cho Ngài. Ngài cho tôi một ngày thôi, được không?

– Không được. – Thần Chết vừa nói, vừa giơ cao chiếc lưỡi hái trên tay.

Người đàn ông tuyệt vọng cầu xin Thần Chết lần cuối cùng:

– Thế thì Ngài cho tôi một phút để viết chúc thư vậy.

Lần này, Thần Chết gật đầu. Anh run rẩy viết một dòng:

– Xin hãy ghi nhớ: “Bao nhiêu tiền bạc cũng không mua nổi một ngày được sống.

## 1. NGỮ ÂM: CÁC VẦN BẮT ĐẦU TỪ ÂM Ê

**HOẠT ĐỘNG 1** Đánh vần, đọc trơn các vần bắt đầu từ âm ê

Các vần bắt đầu từ âm ê gồm: ê, êch, êm, ên, ênh, êp, êt, êu.

**HOẠT ĐỘNG 2** Tạo tiếng có vần bắt đầu từ âm ê theo bảng sau:

	´
<i>b</i>	<i>ê</i>

	˘	´	ˊ	˜	˙
<i>bê</i>	<i>bề</i>	<i>bế</i>	<i>bẻ</i>	<i>bẽ</i>	<i>bệ</i>

	<i>ê</i>	<i>êch</i>	<i>êm</i>	<i>ên</i>	<i>ênh</i>	<i>êp</i>	<i>êt</i>	<i>êu</i>
<i>b</i>								
<i>c</i>								
<i>ch</i>								
<i>d</i>								
<i>đ</i>								
<i>g</i>								
<i>gh</i>								
<i>gi</i>								

	<i>ê</i>	<i>êch</i>	<i>êm</i>	<i>ên</i>	<i>ênh</i>	<i>êp</i>	<i>êt</i>	<i>êu</i>
<i>h</i>								
<i>k</i>								
<i>kh</i>								
<i>l</i>								
<i>m</i>								
<i>n</i>								
<i>ng</i>								
<i>nh</i>								
<i>ngh</i>								
<i>p</i>								
<i>ph</i>								
<i>q</i>								
<i>r</i>								
<i>s</i>								
<i>t</i>								
<i>th</i>								
<i>tr</i>								
<i>v</i>								
<i>x</i>								

### HOẠT ĐỘNG 3 **Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm ê**

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm ê theo bảng đã hoàn thành.

## 2. HỘI THOẠI

### HOẠT ĐỘNG 4

Đọc đoạn hội thoại có chủ đề Ngày, tháng, năm

#### HỘI THOẠI 1

**Hoa:** Con chào mẹ ạ !

**Mẹ Hoa:** Mẹ chào con! Hôm nay đi học về sớm thế à?

**Hoa:** Vâng! Hôm nay là thứ 6, con chỉ học 4 tiết thôi. Mẹ đang làm gì thế ạ?

**Mẹ Hoa:** Mẹ đang chuẩn bị đồ để ngày mai làm bánh ga tô con ạ.

**Hoa:** Sinh nhật ai thế mẹ?

**Mẹ Hoa:** Con thử đoán xem.

**Hoa:** Hôm nay là ngày mừng 3 tháng 10. Ngày mai là mừng 4 tháng 10, sinh nhật em Bông phải không mẹ?

**Mẹ Hoa:** Đúng rồi! Tháng sau là sinh nhật con rồi đấy.

**Hoa:** Vâng. Con nhớ sinh nhật con gần kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

#### HỘI THOẠI 2

**Mai:** Chào cậu! Cậu có việc gì thế?

**Tôn-ni:** À, bố mẹ vừa gọi điện cho mình. Họ nói trong tuần này sẽ sang Việt Nam thăm mình.

**Mai:** Thứ mấy bố mẹ cậu sang Việt Nam?

**Tôn-ni:** Thứ sáu họ sẽ sang.

**Mai:** Thứ sáu là ngày bao nhiêu ?

**Tôn-ni:** Thứ sáu là ngày mừng 1 tháng 9.

**Mai:** Thế thì đông lắm vì gần với ngày Quốc khánh mừng 2 tháng 9. Mọi người đi chơi, đi nghỉ lễ nhiều.

**Tôn-ni:** Ừ. Công ti mình cũng đi du lịch Đảo Rều vào ngày mừng 2 tháng 9.

**Mai:** Cậu định đưa họ đi đâu chơi không?

**Tôn-ni:** Mình định cuối tuần đưa họ đi tham quan vịnh Hạ Long.

**Mai:** Sao cậu không rủ họ đi du lịch cùng công ti mình. Sẽ rất vui đấy.

**Tôn-ni:** Ừ! Hay đấy! Mình sẽ rủ họ.

**HOẠT ĐỘNG 5****Tìm hiểu nội dung đoạn hội thoại**

**Bài tập 1.** Dựa vào Hội thoại 1, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Hôm nay là thứ 6 ngày 3 tháng 10.		
2	Sinh nhật em Bông là thứ 6 ngày 4 tháng 10.		
3	Sinh nhật của Hoa vào tháng 11.		
4	Sinh nhật của Hoa là ngày kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam.		

**Bài tập 2.** Đọc Hội thoại 1 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hoa và mẹ nói về chuyện gì?

.....

2. Vì sao hôm nay Hoa được nghỉ học sớm?

.....

3. Năm nay, sinh nhật em Bông vào thứ mấy?

.....

4. Ngày sinh nhật Bông, mẹ Hoa làm gì?

.....

**Bài tập 3.** Dựa vào Hội thoại 2, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Thứ sáu, bố mẹ Tôn-ni sẽ sang Việt Nam.		
2	Quốc khánh Việt Nam là ngày 2 tháng 9.		
3	Cuối tuần, Tôn-ni định đưa bố mẹ đi tham quan vịnh Hạ Long.		
4	Công ti của Tôn-ni định đi du lịch vào ngày Quốc khánh.		

**Bài tập 4.** Đọc Hội thoại 2 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Vì sao Tôn-ni biết bố mẹ sẽ sang Việt Nam thăm mình?

.....

2. Bố mẹ định sang Việt Nam thăm Tôn-ni vào ngày nào?

.....

3. Ngày Quốc khánh 2 tháng 9, mọi người thường làm gì?

.....

4. Công ti của Mai và Tôn-ni định đi chơi vào ngày nào và ở đâu?

.....

**HOẠT ĐỘNG 6**    **Thực hành hội thoại**

Xây dựng các hội thoại theo các tình huống sau rồi thực hành hội thoại trước lớp.

**Tình huống 1.** Hỏi ngày, tháng, năm sinh của bạn học cùng lớp.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Tình huống 2.** Hỏi ngày, tháng, năm đi du lịch.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 3.** Hỏi lịch học tiếng Việt các ngày trong tuần.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 4.** Hỏi ngày, tháng, năm sinh của người thân trong gia đình bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### 3. TỪ VỰNG

Từ vựng về chủ đề <i>Ngày, tháng, năm</i>			
thứ hai	đầu (tuần)	tuần	(mùa) đông
thứ ba	giữa (tháng)	quý	dễ chịu
thứ tư	tiếp	nắng	khó chịu
thứ năm	hôm	tuyết	thoải mái
thứ sáu	tháng 1/ giêng	ấm áp	mệt mỏi
thứ bảy/ bảy	(tháng) 4/ tư	hơn	thời tiết
chủ nhật	(tháng) 12/ chạp	nữa	khí hậu
hôm nay	nay/ này	ngày	linh
nóng	trước/ ngoài	mùng/ mông	lẻ
lạnh	ngày mai	âm lịch	sau
mưa	ngày kia	ương lịch	tối
mưa phùn	hôm qua	(mùa) xuân	
gió	hôm kia	(mùa) hè/ hạ	
gió bắc	khoảng	(mùa) thu	

#### HOẠT ĐỘNG 7

Giải nghĩa, đặt câu với từ mới

.....

.....

.....

.....

.....

.....



A series of 25 horizontal dotted lines for writing.

## 4. NGỮ PHÁP

### 4.1. LÝ THUYẾT

#### 4.1.1. Cách hỏi về thứ, ngày, tháng, năm, các mùa trong năm

##### a. Cách hỏi về thứ/ ngày/ tháng/ năm

Từ/ cụm từ chỉ thời gian	là	thứ	mấy?
		ngày	bao nhiêu?
			mồng mấy? mùng mấy?
		tháng	mấy/ bao nhiêu?
		năm	bao nhiêu?

Ví dụ:

1. Hôm nay là thứ mấy?
2. Ngày mai là ngày bao nhiêu?
3. Tháng này là tháng mấy?
4. Năm sau là năm bao nhiêu?

Lưu ý:

+ Người Việt thường sử dụng từ “mồng” hoặc “mùng” đối với ngày từ 1 đến 10 của tháng.

Ví dụ:

1. Hôm nay là ngày mồng mấy?
2. Hôm nay là ngày mồng 3.

+ Người Việt thường sử dụng từ “bao nhiêu” để hỏi về từ ngày 11 đến hết tháng.

Ví dụ:

1. Hôm nay là ngày bao nhiêu?
2. Hôm nay là ngày 28.

## b. Cách hỏi về các mùa trong năm

Cấu trúc ngữ pháp:

Từ/ cụm từ chỉ thời gian	+ là	+ mùa	+ nào/ gì?
--------------------------	------	-------	------------

Ví dụ:

1. Mùa này là mùa nào?
2. Mùa này là mùa xuân.



Mùa xuân

Ví dụ:

1. Tháng sau là mùa gì?
2. Tháng sau là mùa hè.



Mùa hè / mùa hạ

\* Các câu hỏi khác để hỏi về mùa:

- Hỏi về số lượng mùa trong 1 năm.

Ví dụ:

Một năm có mấy mùa?

- Hỏi về thời gian của 1 mùa trong 1 năm.

Ví dụ:

Mùa xuân bắt đầu từ tháng mấy đến tháng mấy?

Lưu ý:

- 1 năm = 12 tháng = 365 ngày (năm nhuận 366 ngày).
- Tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12: có 31 ngày.
- Tháng 4, 6, 9, 11: có 30 ngày.
- Tháng 2: có 28 ngày (năm nhuận có 29 ngày).

#### 4.1.2. Cách hỏi ngày sinh nhật

Cấu trúc ngữ pháp:

Cách 1:

<b>Sinh nhật</b>	<b>+ (của) em/</b>	<b>+ là/ vào</b>	<b>+ ngày/ hôm</b>	<b>+ nào?</b>
	<b>anh/...</b>			<b>+ bao nhiêu?</b>

Ví dụ:

1. A: Sinh nhật của em là ngày bao nhiêu ?

B: Sinh nhật của em là ngày 21 tháng 9.

2. A: Sinh nhật của bạn vào ngày nào?

B: Sinh nhật của tớ vào ngày 15.

Cách 2:

<b>Em/ anh/ chị/...</b>	<b>+ sinh ngày + bao nhiêu?</b>
-------------------------	---------------------------------

Ví dụ:

A: Em sinh ngày bao nhiêu?

B: Em sinh ngày 21 tháng 9.

Lưu ý: Người Việt thường hỏi “ngày sinh nhật” nhưng khi trả lời thường đi kèm cả “ngày sinh” và “tháng sinh”.

#### 4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi với từ để hỏi “bao lâu”

Từ “bao lâu” dùng để hỏi về khoảng thời gian diễn ra sự việc.

<b>Chủ ngữ</b>	<b>+ ĐgT/ CDgT</b>	<b>+ bao lâu?</b>
	<b>+ TT/ CTT</b>	<b>+ trong bao lâu?</b>

Ví dụ:

1. Anh ấy đi công tác Trung Quốc *bao lâu*?

2. Bạn viết bài này *trong bao lâu*?

Lưu ý:

Từ “bao lâu” khi kết hợp với các phó từ chỉ thời gian trong tương lai (sẽ, sắp,...), quá khứ (đã, từng, rồi,...) sẽ giúp xác định rõ hơn về thời điểm sự việc diễn ra.

Ví dụ:

1. Em *sẽ* đi du lịch *bao lâu*?
2. Anh ấy *đã* học tiếng Việt *trong bao lâu*?

#### 4.1.4. Cách sử dụng câu hỏi có kết cấu “đã....chưa”

Kết cấu “đã.... chưa” dùng để hỏi về việc trong quá khứ (việc đã được thực hiện hay chưa) hoặc để yêu cầu khẳng định, xác nhận lại thông tin.

Cấu trúc ngữ pháp:

Hỏi		CN	đã	ĐgT/ CĐgT TT/ CTT	chưa?
Trả lời	(Rồi)	CN	đã	ĐgT/ CĐgT TT/ CTT	rồi.
	(Rồi)		đang		
	(Chưa)	CN	chưa	ĐgT/ CĐgT TT/ CTT	

Ví dụ:

1. A: Bạn *đã* làm bài tập cô giáo giao *chưa*?  
 B: Tôi làm bài tập cô giáo giao rồi.  
 (Rồi) Tôi đã làm bài tập cô giáo giao rồi.  
 Tôi đang làm bài tập cô giáo giao rồi.  
 (Chưa) Tôi chưa làm bài tập cô giáo giao.
2. A: Nước *đã* nóng *chưa*?  
 B: Nước chưa nóng.

#### 4.1.5. Cách sử dụng câu có kết cấu “Nếu...thì...”

Kết cấu này biểu thị quan hệ điều kiện – kết quả. “Nếu” đặt trước phần mệnh đề chỉ điều kiện, “thì” đặt trước mệnh đề chỉ kết quả.

Cấu trúc ngữ pháp:

Nếu	+ A	+ thì	+ B
	(điều kiện)		(kết quả)

Ví dụ:

*Nếu* tôi có nhiều tiền *thì* tôi đi du lịch.

*Nếu* trời mưa *thì* chúng tôi nghỉ học.

Lưu ý:

+ Nếu chủ ngữ 1 và chủ ngữ 2 trùng nhau thì có thể lược bỏ chủ ngữ 1 hoặc chủ ngữ 2.

Ví dụ:

*Nếu* bạn ốm *thì* bạn nghỉ học.

= *Nếu* bạn ốm *thì* nghỉ học.

= *Nếu* ốm *thì* bạn nghỉ học.

+ Khi đưa vế chỉ kết quả lên trước vế chỉ nguyên nhân phải bỏ từ “thì”.

Ví dụ:

*Nếu* tôi có nhiều tiền *thì* tôi sẽ đi du lịch. = Tôi sẽ đi du lịch *nếu* tôi có nhiều tiền.

## 4.2. THỰC HÀNH

### HOẠT ĐỘNG 8

#### Thực hành ngữ pháp

**Bài tập 1.** Trả lời các câu hỏi sau:

1. Một năm có bao nhiêu ngày?

.....

2. Một năm có bao nhiêu tháng?

.....

3. Một tháng có bao nhiêu ngày?

.....

4. Một tháng có mấy tuần?

.....

5. Một tuần có mấy ngày?

.....

6. Một ngày có bao nhiêu tiếng?

.....

7. Một tiếng có bao nhiêu phút?

.....

8. Một phút có bao nhiêu giây?

.....

**Bài tập 2.** Nhìn hình và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hôm nay là thứ mấy?

.....

2. Hôm qua là thứ mấy?

.....

3. Ngày mai là thứ mấy?

.....

4. Ngày kia là thứ mấy?

.....

5. Hôm nay là ngày bao nhiêu?

.....

6. Ngày mai là ngày bao nhiêu?

.....

7. Hôm qua là ngày bao nhiêu?

.....



8. Tháng này là tháng mấy?

.....

9. Tháng trước là tháng mấy?

.....

10. Tháng sau là tháng mấy?

.....

11. Năm nay là năm bao nhiêu?

.....

12. Năm trước là năm bao nhiêu?

.....

13. Năm sau là năm bao nhiêu?

.....

**Bài tập 3.** Đọc các thông tin về thứ, ngày, tháng, năm có trong các bức tranh sau:

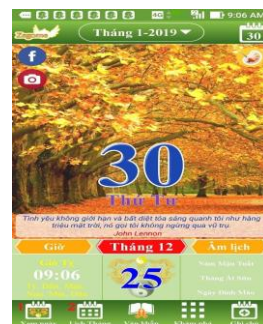


Thứ hai ngày 25 tháng 6 năm 2018.

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....





.....

.....



.....

.....



.....

.....

**Bài tập 4.** Đặt câu theo các thông tin cho trước.

Mẫu 1:            thứ 6 – ngày 5.

☞ Chúng tôi sẽ đi du lịch vào thứ 6 ngày mùng 5.

1. thứ 2 – ngày 8: .....

2. thứ 5 – ngày 12: .....

3. ngày 13 – tháng 11: .....

4. ngày 25 – tháng 8: .....
5. tháng 10 – năm 2000: .....
6. tháng 12 – năm 1998: .....
7. ngày 4 – tháng 6 – năm 1999: .....
8. thứ 5 – ngày 12 – tháng 1 – năm 2020: .....
- .....

**Bài tập 5.** Chọn các từ/cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống.

mây	mùa xuân	sau
mưa	mùa hè	lạnh
tuyết	mùa đông	gió

1. Ở Việt Nam thường có 4 mùa: ....., mùa hạ, mùa thu và mùa đông.
2. Tôi không thích ..... vì trời rất nắng và nóng.
3. Trời nhiều ..... đen là sắp có mưa đấy.
4. Ở các nước Châu Âu, mùa đông thường có.....
5. Hôm nay trời lạnh, chắc là sắp đến..... rồi.
6. Trời..... thế này, chúng ta đi ăn kem nhé.
7. Tháng này là tháng 11, tháng ..... là cuối năm rồi.
8. Khi nào tậnh ..... chúng ta sẽ đi tiếp.

**Bài tập 6.** Trả lời các câu hỏi sau:

1. Anh học tiếng Việt trong bao lâu nữa?  
.....
2. Mùa xuân kéo dài trong bao lâu?  
.....
3. Bạn định về thăm nhà bao lâu?  
.....

4. Bao lâu rồi bạn không tổ chức sinh nhật?

.....

5. Bạn đã viết đoạn văn này trong bao lâu?

.....

6. Cô ấy nói bao lâu nữa sẽ tới?

.....

7. Em trai bạn ốm bao lâu rồi?

.....

8. Hiệu sách này mở cửa bao lâu rồi?

.....

**Bài tập 7.** Sử dụng cấu trúc "...đã... chưa?" để đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

1. ....

– Tôi đã làm bài tập hôm nay rồi.

2. ....

– Tôi gọi điện cho cô ấy rồi.

3. ....

– Chúng tôi chưa học ngữ pháp tiếng Việt.

4. ....

– Anh ấy nói tốt tiếng Việt rồi.

5. ....

– Cô ấy đi du lịch Hạ Long rồi.

6. ....

– Bạn ấy chưa có người yêu.

7. ....

– Tôi đã ăn cơm ở quán này rồi.

8. ....

– Tôi đã đọc truyện này rồi.

**Bài tập 8.** Sử dụng kết cấu “... đã ... chưa?” để đặt câu hỏi và câu trả lời dựa vào nội dung các bức tranh sau:

Mẫu:

Yên Tử



- Bạn đã đi du lịch Yên Tử chưa?
- Chưa, tôi chưa đi du lịch Yên Tử.
- (- Tôi đã đi du lịch Yên Tử rồi.)

Chả mực Hạ Long



.....

.....

.....

.....

Phở



.....

.....

.....

.....

Vịnh Hạ Long



.....

.....

.....

.....

Bảo tàng Quảng Ninh



.....

.....

.....

.....

Chùa Ba Vàng



.....

.....

.....

.....

Bánh chưng



.....

.....

.....

.....

Hoa sen



.....

.....

.....

.....

Ô tô



.....

.....

.....

.....

Áo dài



.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 9.** Thêm vào dấu ..... để hoàn thành các câu có cấu trúc “Nếu... thì...”.

1. Nếu tháng sau là sinh nhật cô ấy .....
2. Nếu cô ấy vẫn đến .....
3. Nếu ngày mai trời nắng .....
4. Nếu thứ bảy được nghỉ học .....
5. Nếu năm sau không còn cô vit (covid) .....
- .....
6. .... thì anh ấy đi ngủ
7. .... thì chúng ta cùng nhau đi du lịch.
8. .... thì bố mẹ sẽ rất vui.
9. .... thì bạn cần cố gắng nhiều hơn.
10. .... thì tôi sẽ mua quần áo mới.

**Bài tập 10.** Sử dụng kết cấu “Nếu... thì...” để trả lời các câu hỏi sau:

1. Nếu chiều nay được nghỉ học thì bạn sẽ làm gì?  
.....
2. Nếu anh ấy không đến thì bạn sẽ làm gì?  
.....
3. Nếu hôm nay mất điện thì chúng ta sẽ học ở đâu?  
.....
4. Nếu thứ bảy trời không mưa thì anh sẽ đi đâu?  
.....
5. Nếu cô ấy bị ốm thì bạn sẽ làm thế nào?  
.....
6. Nếu ngày mai cô giáo bận thì các bạn sẽ làm gì?  
.....
7. Nếu trời lạnh thì bạn thích ăn gì?  
.....

8. Nếu mưa phùn thì bạn có đi tập thể dục không?

.....

**Bài tập 11.** Sử dụng kết cấu “Nếu... thì...” để đặt câu với các từ/ cụm từ sau đây:

1. tham quan: .....

.....

2. chơi bóng rổ: .....

.....

3. thứ 6: .....

.....

4. được điem cao: .....

.....

5. trời đẹp: .....

.....

6. thấy dễ chịu: .....

.....

7. từ điển tiếng Việt: .....

.....

8. học ở phòng: .....

.....

**Bài tập 12.** Đặt câu hỏi và câu trả lời có cấu trúc “Nếu... thì...” dựa vào nội dung các bức tranh sau:

Mẫu:

Mưa



- Nếu ngày mai mưa thì bạn sẽ làm gì?

- Nếu ngày mai mưa thì tôi sẽ ở nhà.



Hoa hồng



.....

.....

.....

.....

Cầu vồng



.....

.....

.....

.....

Tuyết



.....

.....

.....

.....

Mặt trời



.....

.....

.....

.....

Thư viện



.....

.....

.....

.....



Xôi nếp



.....

.....

.....

.....

Quả cam



.....

.....

.....

.....

Hoa phượng



.....

.....

.....

.....

Xe đạp



.....

.....

.....

.....

## 5. LUYỆN TẬP

### 5.1. LUYỆN ĐỌC

#### HOẠT ĐỘNG 9

#### Luyện đọc thành tiếng

#### Hội thoại

**Hà:** Chào bạn. Tôi là Hà. Tôi là người Việt Nam. Còn bạn?

**May-khăm:** Tôi là May-khăm. Tôi là người Lào. Rất vui được làm quen với bạn.

**Hà:** Tôi cũng vậy. Bạn đến Việt Nam bao lâu rồi?

**May-khăm:** Tôi đến Việt Nam từ tháng 6 năm ngoái.

**Hà:** Vậy là bạn ở Việt Nam được gần 1 năm rồi. Bạn định ở Việt Nam bao lâu nữa?

**May-khăm:** Tôi sẽ ở thêm khoảng 4 năm nữa để học đại học.

**Hà:** Bạn có về Lào nghỉ hè không?

**May-khăm:** Có chứ. Đầu tuần sau tôi sẽ về nhà nghỉ hè 1 tháng. Tháng 9 tôi sẽ quay lại Việt Nam để học đại học năm đầu tiên.

**Hà:** Chúc bạn có kì nghỉ hè vui vẻ nhé.

**May-khăm:** Cảm ơn bạn.

#### Bài đọc





## Gấu Con bị sâu răng

Một hôm, vào ngày sinh nhật của Gấu con, các bạn của chú đến rất đông, Mèo và Thỏ mang bánh ga tô, các bạn chim mang các viên kẹo đủ màu sắc, Chó thì mang đến một hộp kẹo sôcôla, còn Rùa mang bánh bích qui... đến tặng Gấu. Gấu ta thích lắm, chú ăn rất ngon lành và không ngớt lời khen: “Ôi! Sao toàn thứ ngon thế này! Tôi cảm ơn các bạn”.

Khi buổi tiệc sinh nhật đã tan, các bạn đã về hết, như thường lệ, Gấu con không đánh răng mà nhảy tót lên giường đi ngủ. Chỉ chờ có thế, chúng tôi – những con Sâu Răng nhảy ra mở tiệc linh đình, chúng tôi gặm, cạy, đục khoét những chiếc răng bám đầy bánh kẹo của Gấu con. Đêm đó Gấu con ta kêu gào thảm thiết vì đau nhức răng.

*(<http://www.mamnonbanmai.edu.vn/DChobeyeu/420/547/truyen-gau-con-bi-sau-rang-.aspx>)*

### HOẠT ĐỘNG 10

### Luyện đọc hiểu

### Hội thoại

**Bài tập 1.** Đọc Hội thoại và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hà và May-khăm nói về chuyện gì?

.....

2. May-khăm sẽ nghỉ hè ở đâu?

.....

3. May-khăm quay lại Việt Nam để làm gì?

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung Hội thoại, hãy chọn câu trả lời đúng.

1. May-khăm đến Việt Nam từ bao giờ?
 

A. Tháng 6 năm ngoái.    B. Tháng 9 năm ngoái.

C. Tháng 6 năm nay.    D. Tháng 9 năm nay.
2. May-khăm đã ở Việt Nam được bao lâu rồi?
 

A. 6 tháng.    B. 9 tháng.

C. 2 tuần.    D. Gần 1 năm.
3. May-khăm sẽ ở Việt Nam thêm bao lâu nữa?
 

A. 6 tháng.    B. 9 tháng.

C. 1 năm.    D. 4 năm.
4. May-khăm về nước nghỉ hè trong bao lâu?
 

A. Tháng 6.    B. Tháng 9.

C. 1 tháng.    D. 1 năm.
5. May-khăm quay lại Việt Nam vào tháng mấy?
 

A. Tháng 6 năm ngoái.    B. Tháng 9 năm ngoái.

C. Tháng 6 năm nay.    D. Tháng 9 năm nay.

**Bài đọc**

**Bài tập 1.** Đọc Bài đọc và trả lời các câu hỏi sau:

1. Những con vật nào đã đến dự sinh nhật Gấu con?

.....

.....

2. Trước khi đi ngủ, Gấu con thường không làm gì?

.....

.....

3. Vì sao Gấu con kêu gào thảm thiết?

.....

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung Bài đọc, nối 2 cột A và B để tạo thành câu hoàn chỉnh.

A
Hôm nay là
Trước khi đi ngủ, Gấu con
Các bạn
Nếu Gấu con không ăn bánh kẹo
Gấu con
Nếu Gấu con đánh răng trước khi đi ngủ

B
rất thích những món quà của các bạn.
ngày sinh nhật của Gấu con.
thì sẽ không bị đau răng.
mang đến nhiều món quà tặng Gấu con.
không đánh răng.
thì Sâu Răng sẽ không có gì để ăn.

## 5.2. LUYỆN NGHE

### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

**Bài tập 1.** Nghe và điền từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống.

**Sa-ra:** Xin chào. Lâu rồi không gặp cậu. Cậu khỏe chứ ?

**Giôn:** Chào cậu. Mình vẫn khỏe. Cậu cũng học tiếng Việt ở đây à ?

**Sa-ra:** Ừ, mình học ở đây được ..... (1) rồi.

**Giôn:** Cậu học một tuần ..... (2) ?

**Sa-ra:** Mình học một tuần 3 buổi: ..... (3) và thứ sáu. Còn cậu ?

**Giôn:** Mình học thứ tư và ..... (4) thôi.

**Sa-ra:** Cậu học tiếng Việt được bao lâu rồi?

**Giôn:** Mình học được ..... (5) rồi.

**Sa-ra:** Thế thì cậu nói tiếng Việt giỏi lắm. Hôm nào cậu giúp mình học ..... (6) nhé. Mình sợ môn này lắm.

**Giôn:** Mình rất sẵn sàng. Thứ 7, ..... (7) tuần này mình đi thư viện. Cậu có đi cùng không?

**Sa-ra:** Thứ 7 là ngày 28, mình đi ..... (8) Sa Pa cùng lớp rồi. Tiếc quá.

**Giôn:** Vậy hẹn cậu hôm khác nhé.

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung Hội thoại, nghe câu hỏi và chọn đáp án đúng.

1.

A. 1 tháng.                      B. 5 tháng.                      C. 1 tuần.                      D. 3 tuần.

2.

A. 1 tháng.                      B. 5 tháng.                      C. 1 tuần.                      D. 3 tuần.

3.

A. 1.                                  B. 2.                                  C. 3.                                  D. 4.

4.

A. 1.                                  B. 2.                                  C. 3.                                  D. 4.

5.

A. Học tiếng Việt.                                  B. Học ở phòng.

C. Sa Pa.    D. Thư viện.

## HOẠT ĐỘNG 12 Luyện nghe độc thoại

**Bài tập 1.** Nghe và chọn đáp án đúng.

(Nghe đoạn 1 và trả lời câu hỏi 1, 2)

1. Một tuần, anh Minh làm việc mấy ngày?

A. 2.                                  B. 5.                                  C. Thứ 2, thứ 6.                      D. Thứ 7, chủ nhật.

2. Anh Minh được nghỉ thứ mấy?

A. 2.                                  B. 5.                                  C. Thứ 2, thứ 6.                      D. Thứ 7, chủ nhật.

(Nghe đoạn 2 và trả lời câu hỏi 3, 4)

3. Buổi sáng thứ 2 ngày 15 tháng 8 năm 2021, thời tiết như thế nào?

A. Trời nhiều mây, gió nhẹ.

B. Có mưa nhỏ.

C. Có mưa vừa, mưa to.

D. Có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to.

4. “Mưa vừa, mưa to, mưa rất to” là dự báo thời tiết của

A. buổi sáng.

B. buổi trưa.

C. buổi chiều.

D. buổi đêm.

**Bài tập 2.** Nghe và xác định các thông tin sau đúng hay sai:

Số TT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Ngày thường, buổi sáng, chúng tôi làm việc 4 tiếng.		
2	Ngày thường, buổi chiều chúng tôi bắt đầu làm việc lúc 13 giờ.		
3	Mùa đông, buổi sáng chúng tôi làm việc lúc 8 giờ.		
4	Mùa đông, chúng tôi tan làm sớm hơn.		

### 5.3. LUYỆN NÓI

#### HOẠT ĐỘNG 13

#### Luyện nói độc thoại

**Bài tập 1.** Nói về một kỷ niệm của bản thân.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 2.** *Giới thiệu về những hoạt động mình đã tham gia từ khi sang Việt Nam.*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HOẠT ĐỘNG 14** **Luyện nói hội thoại**

**Bài tập 1.** *Bài tập 1: Hội thoại về kỉ niệm ngày ra trường.*

**Bài tập 2.** *Hội thoại về những ngày đầu tiên sang Việt Nam.*



## 5.4. LUYỆN VIẾT

### HOẠT ĐỘNG 15

### Luyện viết chính tả

#### a. Quy tắc ng/ ngh

Trên chữ viết ghi là “ng” khi đứng sau nó là các âm như: o, ô, ơ, a, ă, â, u, ư, uô, ua, ươ, ưa,...

Ghi là “ngh” khi đứng sau nó là các âm: i, e, ê, iê.

Ví dụ: nghỉ, nghe, nghề nghiệp...

#### b. Nhìn và viết bài chính tả sau:

Tháng giêng là tháng ăn chơi

Tháng hai trồng đậu trồng khoai trồng cà

Tháng ba thì đậu đã già

Ta đi ta hái về nhà phơi khô

Tháng tư đi tậu trâu bò

Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm.

(ca dao)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## HOẠT ĐỘNG 16

### Luyện viết đoạn văn

Viết đoạn văn ngắn (4 - 6 câu) kể về những công việc bạn thường làm vào cuối tuần.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## HOẠT ĐỘNG 17

### Lập kế hoạch, thời gian biểu

#### a. Lập kế hoạch học tập

**Bài tập 1.** Hãy lập kế hoạch học tập cho bản thân mình.

Lưu ý: Mỗi học sinh có những kế hoạch riêng khác nhau nhưng cần ghi rõ kế hoạch cho từng giai đoạn, từng vấn đề cụ thể.

Ví dụ: Kế hoạch học tập tiếng Việt, có thể chia thành kế hoạch học môn Nói, môn Nghe, môn Đọc, môn Viết...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**b. Lập thời gian biểu cá nhân**

**Bài tập 2.** Dựa vào gợi ý dưới đây, hãy lập thời gian biểu cho riêng mình.

THỜI GIAN BIỂU

Buổi	Thời gian	Công việc	Ghi chú
Sáng	5 giờ 30 phút	Ngủ dậy, vệ sinh cá nhân.	
	5 giờ 45 phút	Tập thể dục, tắm.	
	6 giờ 40 phút	Ăn sáng, đi học.	
	7 giờ 30 phút – 11 giờ 30 phút	Học	
	11 giờ 45 phút	Ăn trưa, nghỉ ngơi	
Chiều	13 giờ 30 phút	Đi thư viện	
	17 giờ	Đi chợ, nấu ăn, tắm giặt	
Tối	19 giờ	Ăn tối	
	22 giờ	Đi ngủ	

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 6. THÔNG TIN CHO BẠN

### Các ngày nghỉ lễ

**\* Các ngày nghỉ lễ trong năm 2021 được hưởng nguyên lương theo quy định Nhà nước**

Theo điều 112 Bộ luật Lao động năm 2019 mới được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, kể từ năm 2021 trở đi, người lao động trên cả nước sẽ có thêm 1 ngày nghỉ lễ Quốc khánh (nghỉ ngày 2/9 và 1 ngày liền kề trước hoặc sau do Thủ tướng quyết định).

Như vậy, người lao động sẽ có tất cả 11 ngày nghỉ lễ, Tết được hưởng nguyên lương bao gồm các ngày: Tết Dương lịch 1 ngày, Tết Âm lịch 5 ngày, Giỗ Tổ Hùng Vương 1 ngày (10/3 Âm lịch), ngày Giải phóng miền Nam (30/4) 1 ngày, Quốc tế Lao động (1/5) 1 ngày, Quốc khánh 2 ngày (nếu ngày nghỉ hằng tuần trùng với ngày nghỉ lễ, Tết thì người lao động được nghỉ bù ngày nghỉ hằng tuần vào ngày làm việc kế tiếp).

Nguồn: <https://meta.vn/hotro/cac-ngay-nghi-le-trong-nam-theo-quy-dinh-7657>

### Thành ngữ, tục ngữ

*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối.*

Ý nghĩa: tháng năm (mùa hè) thì thời gian ban ngày dài hơn thời gian ban đêm, còn vào tháng mười (mùa đông) thì thời gian ban ngày ngắn hơn thời gian ban đêm.

*Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt*

Ngày xưa, ông cha ta thấy kiến bò là đoán lụt và hay đề phòng lũ lụt sau tháng 7 âm. Do kiến là loại bò sát nên có thể biết được những thiên tai trước con người 1 cách nhanh nhạy, nó bò để chuẩn bị thức ăn, nơi trú ẩn để tránh nạn. (các bạn quan sát sẽ thấy trước khi mưa kiến thường bò đoàn dài trên tường)

*Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão*

Tháng bảy (âm lịch) có gió bắc thổi và chuồn chuồn bay ra nhiều là trời sắp có bão. Đây là kinh nghiệm mà ông cha ta đã đúc kết được để nhắc nhở con cháu trong sản xuất.

*Mây xanh thì nắng mây trắng thì mưa*

Đây là kinh nghiệm dân gian về dự báo thời tiết: khi nhìn lên bầu trời thấy trời cao, mây trong xanh thì không có mưa; ngược lại, nếu thấy mây trắng bay, bầu trời thấp thì sẽ có mưa.

*Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ*

Câu tục ngữ là một kinh nghiệm quý báu về dự báo thời tiết. Ráng mỡ gà là ráng vàng tươi óng ánh. Có ráng mỡ gà xuất hiện ở trên bầu trời, nhân dân ta biết trời sắp nói gió to, sắp bão, cần phải chuẩn bị giữ gìn, chằng buộc, chống đỡ, nhất là nhà gianh vách đá.

*Qua giêng hết năm qua rằm hết tháng*

Ý muốn nói qua giêng là qua những ngày lễ nghỉ tết của dân tộc ta thì con người lại phải đi làm vất vả, còn qua rằm là ngày 15 đã nửa tháng phóng đại thành hết tháng ám chỉ sự nhanh chóng.

(<https://vndoc.com/tong-hop-thanh-ngu-tuc-ngu-ca-dao-theo-chu-de-166166>)

## 1. NGŨ ÂM: CÁC VẦN BẮT ĐẦU TỪ ÂM I

**HOẠT ĐỘNG 1** Đánh vần, đọc trơn các vần bắt đầu từ âm *i*

Các vần bắt đầu từ âm *i* gồm: *i, ia, ich, im, in, inh, ip, it, iu, iêc, iêm, iên, iêng, iêp, iêt, iêu.*

**HOẠT ĐỘNG 2** Tạo tiếng có vần bắt đầu từ âm *i* theo bảng sau:

`	
<i>b</i>	<i>i</i>

		`	´	,	~	.
<i>bi</i>	<i>bi</i>	<i>bì</i>	<i>bí</i>	<i>bỉ</i>	<i>bĩ</i>	<i>bị</i>

	<i>i</i>	<i>ia</i>	<i>ich</i>	<i>im</i>	<i>in</i>	<i>inh</i>	<i>ip</i>	<i>it</i>
<i>b</i>								
<i>c</i>								
<i>ch</i>								
<i>d</i>								
<i>đ</i>								
<i>g</i>								

	<i>i</i>	<i>ia</i>	<i>ich</i>	<i>im</i>	<i>in</i>	<i>inh</i>	<i>ip</i>	<i>it</i>
<i>gh</i>								
<i>gi</i>								
<i>h</i>								
<i>k</i>								
<i>kh</i>								
<i>l</i>								
<i>m</i>								
<i>n</i>								
<i>ng</i>								
<i>nh</i>								
<i>ngh</i>								
<i>p</i>								
<i>ph</i>								
<i>q</i>								
<i>r</i>								
<i>s</i>								
<i>t</i>								
<i>th</i>								
<i>tr</i>								
<i>v</i>								
<i>x</i>								

	<i>iu</i>	<i>iêc</i>	<i>iêm</i>	<i>iên</i>	<i>iêng</i>	<i>iêp</i>	<i>iêt</i>	<i>iêu</i>
<i>b</i>								
<i>c</i>								
<i>ch</i>								
<i>d</i>								
<i>đ</i>								
<i>g</i>								
<i>gh</i>								
<i>gi</i>								
<i>h</i>								
<i>k</i>								
<i>kh</i>								
<i>l</i>								
<i>m</i>								
<i>n</i>								
<i>ng</i>								
<i>nh</i>								
<i>ngh</i>								
<i>p</i>								
<i>ph</i>								
<i>q</i>								
<i>r</i>								
<i>s</i>								
<i>t</i>								
<i>th</i>								
<i>tr</i>								
<i>v</i>								
<i>x</i>								



### HOẠT ĐỘNG 3 Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm i

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm i theo bảng đã hoàn thành..

## 2. HỘI THOẠI

### HOẠT ĐỘNG 4 Đọc đoạn hội thoại có chủ đề *Đồ vật*

#### HỘI THOẠI 1



**An-na:** Hà ơi, nhà cậu có nhiều đồ mà tớ vẫn chưa biết tên.

**Hà:** Dễ thôi, từ từ cậu sẽ nhớ được mà.

**An-na:** Cái này gọi là cái bàn phải không?

**Hà:** Đúng rồi. Cái này là cái bàn. Ở dưới nó là cái ghế.

**An-na:** Đây có phải là cái chén không?

**Hà:** Không. Đây là cái cốc. Kia mới là cái chén.

**An-na:** Thế cái đặt ở trên bàn gọi là gì?

**Hà:** À, đấy là lọ hoa. Cạnh lọ hoa là bình đựng nước.

**An-na:** Lọ hoa nhà bạn đẹp quá.

## HỘI THOẠI 2

**Nhân viên bán hàng:** Xin chào. Anh muốn mua gì?

**Hen-ri:** Tôi muốn mua đồ dùng học tập.

**Nhân viên bán hàng:** Anh muốn mua những gì?

**Hen-ri:** Ở đây có thước kẻ, bút chì, bút máy, tẩy không ạ?

**Nhân viên bán hàng:** Có, những thứ đó ở trên giá đồ màu xanh gần cửa nhé.

**Hen-ri:** Kéo, băng dính và hộp đựng bút ở đâu ạ?

**Nhân viên bán hàng:** Cũng ở giá đồ đó luôn ạ.

**Hen-ri:** Từ điển tiếng Việt và vở viết ở đâu ạ?

**Nhân viên bán hàng:** Từ điển tiếng Việt ở phía trên cùng giá sách. Vở và sổ thì ở ngay cạnh giá để bút anh nhé. Anh còn muốn hỏi mua gì nữa không ạ?

**Hen-ri:** Cảm ơn chị. Tôi xem trước đã.



### HOẠT ĐỘNG 5

#### Tìm hiểu nội dung đoạn hội thoại

**Bài tập 1.** Dựa vào Hội thoại 1, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	An-na biết tất cả tên đồ dùng ở nhà Hà.		
2	An-na gọi cái chén là cái cốc.		
3	Lọ hoa đặt ở trên bàn.		
4	An-na khen lọ hoa nhà Hà.		

**Bài tập 2.** Đọc Hội thoại 1 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hà và An-na nói về các đồ vật ở đâu?

.....

2. An-na biết tên gọi của đồ vật gì?

.....

3. Bình đựng nước được đặt ở đâu?

.....

4. An-na hỏi tên các đồ vật gì trong nhà Hà?

.....

**Bài tập 3.** Dựa vào Hội thoại 2, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Hen-ri muốn mua đồ dùng học tập.		
2	Hen-ri biết chỗ để các đồ dùng học tập.		
3	Kéo, băng dính và hộp đựng bút ở trên giá đồ gần cửa.		
4	Hen-ri muốn mua từ điển tiếng Việt và sổ viết.		

**Bài tập 4.** Đọc Hội thoại 2 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hen-ri đến cửa hàng làm gì?

.....

2. Thước kẻ, bút chì, bút máy và tẩy được để ở đâu?

.....

3. Từ điển tiếng Việt được đặt ở đâu?

.....

4. Hen-ri muốn mua những đồ dùng học tập gì?

.....

## HOẠT ĐỘNG 6

### Thực hành hội thoại

Xây dựng các hội thoại theo các tình huống sau rồi thực hành hội thoại trước lớp.

**Tình huống 1.** Hỏi về đồ vật ở kí túc xá.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 2.** Hỏi về đồ vật trong lớp học.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 3.** Hỏi về đồ vật trong gia đình bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 4.** Hỏi về đồ vật ở cửa hàng lưu niệm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 5.** Hỏi về đồ vật ở cửa hàng tiêu dùng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### 3. TỪ VỰNG

Từ vựng về chủ đề Đồ vật			
điều hòa	vở	gầy > béo	quần áo
máy giặt	số	tốt > xấu	tủ
tủ lạnh	bút	đẹp > xấu	giá (sách)
ti vi	thước kẻ	nóng > lạnh	khó khăn
quạt	đũa	dài > ngắn	đẳng
bàn	thìa	cũ > mới	thơm > hôi, thối
ghế	muôi	chua > ngọt	xanh
lọ (hoa)	khăn	cay	trắng
cốc	giường	bút chì	đỏ
chén	chiếu	(bút) mực	vàng
bát	thảm	bút bi	đen
đĩa	thùng	(bút) xóa	nâu
nồi	gương	tẩy	
chảo	điện thoại	túi/ hộp (đựng bút)	
sách	cao > thấp	từ điển	

#### HOẠT ĐỘNG 7

Giải nghĩa, đặt câu với từ mới

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 4. NGŨ PHÁP

### 4.1. LÍ THUYẾT

#### 4.1.1. Cách sử dụng đại từ nghi vấn “gì?”

Đại từ nghi vấn “gì” dùng để hỏi về tên gọi của người, vật, việc, hiện tượng, ... và thường đứng ở cuối câu.

Ví dụ:

1. Anh ấy tên là gì? → Anh ấy tên là Tô-m-my.
2. Kia là cái gì? → Kia là quyển sách.
3. Đây là truyện gì? → Đây là truyện dành cho thiếu nhi.
4. Nó là con gì? → Nó là con trâu.
5. Hôm nay chúng ta ăn gì? → Hôm nay chúng ta ăn phở.
6. Mai là ngày gì? → Mai là ngày tết Nguyên đán.

#### 4.1.2. Cách sử dụng câu hỏi với từ để hỏi “thế nào?”

“Thế nào” dùng để hỏi cho rõ hơn về một tình trạng, trạng thái, tính chất, cách thức của một (hoặc nhiều) đối tượng nào đó.

- Hỏi về tình trạng.

Ví dụ:

Công việc của anh ấy *thế nào?*  
→ Công việc của anh ấy rất khó khăn.

- Hỏi về trạng thái.

Ví dụ:

Bây giờ, tâm trạng của anh ấy *thế nào?*  
→ Bây giờ tâm trạng của anh ấy rất tốt.

- Hỏi về tính chất.

Ví dụ:

Quả cam này có vị *thế nào?*  
→ Quả cam này có vị chua.



- Hỏi về cách thức.

Ví dụ:

Chị nấu cháo *thế nào*?

→ Tôi cho gạo vào nồi, cho thêm nước và đặt lên bếp.

#### 4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi có kết cấu “... có + từ chỉ đặc điểm, tính chất + không?”

Sử dụng kết cấu “... có + từ chỉ đặc điểm, tính chất + không?” để hỏi về đặc điểm, tính chất của một (hoặc nhiều) đối tượng nào đó khi chưa biết hoặc chưa chắc chắn.

Cấu trúc ngữ pháp:

CN	+ có	+ từ chỉ đặc điểm, tính chất	+ không?
----	------	------------------------------	----------

Ví dụ:

1. Món ăn này có ngon không?

2. Ca sĩ Phương Thanh hát *có hay không*?

Trong tiếng Việt, khi trả lời, người ta có thể đưa từ khẳng định (có)/ phủ định (không) hoặc tính từ lên phía trước nhằm mục đích nhấn mạnh.

Ví dụ:

1. A: Chiếc áo này *có đắt không*?

B: Không, chiếc áo này không đắt.

Đắt, chiếc áo này đắt.

2. A: Điện thoại này *có rẻ không*?

B: Điện thoại này rẻ.

Không, điện thoại này đắt lắm.

#### 4.1.4. Đại từ chỉ định: đây, này, kia, đấy, đó

Đại từ chỉ định là từ chỉ vị trí của đối tượng so với người nói.

##### a. “đây/ này”

Đại từ “đây”, “này” chỉ đối tượng (người, vật) ở gần người nói.

Ví dụ:

1. Đây là quyển sách của tôi.
2. Cái áo này mẹ tôi mới mua.
3. Ở đây có rất nhiều sách hay.

**b. “kia/ đấy/ đó”**

Đại từ “kia”, “đấy”, “đó” chỉ đối tượng (người, vật) ở xa người nói.

Ví dụ:

1. Ngôi nhà *kia* mới xây.
2. Tôi rất thích cô gái *đó*.
3. Chiếc áo *đấy* rất rộng.

## 4.2. THỰC HÀNH

**HOẠT ĐỘNG 8**

**Thực hành ngữ pháp**

**Bài tập 1.** Đặt câu hỏi và câu trả lời dựa vào nội dung các bức hình sau:

Mẫu:

- Đây (đó/ kia/ đấy) là cái gì?  
(Cái này là cái gì?)
- Đây là cái mũ lưỡi trai.



1.

.....  
 .....  
 .....  
 .....



2.

.....  
 .....  
 .....  
 .....



3.

.....  
.....  
.....  
.....



4.

.....  
.....  
.....  
.....



5.

.....  
.....  
.....  
.....



6.

.....  
.....  
.....  
.....



7.

.....  
.....  
.....  
.....



8.

.....  
.....  
.....  
.....



**Bài tập 2.** *Đoán tên các đồ vật qua trả lời các câu hỏi sau:*

1. Em dùng cái gì để đánh răng?

.....

2. Cái dùng để viết chữ vào vở gọi là gì?

.....

3. Cái gì giúp chúng ta cảm thấy mát mẻ trong những ngày hè?

.....

4. Cái gì giúp em có thêm nhiều kiến thức?

.....

5. Em dùng cái gì để liên lạc với bố mẹ hằng ngày?

.....

6. Trong lớp học, giáo viên thường dùng cái gì để viết lên bảng?

.....

7. Chúng ta thường dùng cái gì để che nắng, che mưa?

.....

8. Em thường dùng cái gì để uống nước?

.....

**Bài tập 3.** *Đặt câu theo thông tin cho sẵn.*

Ví dụ: *đó/ quả cam.*

– Đó là quả cam. (Quả đó là quả cam.)

– Tôi thích ăn quả cam đó.

1. *đấy/ cái ô tô*

.....

.....

2. *ấy/ lọ hoa*

.....

.....

3. kia/ áo len

.....  
.....

4. đó/ cái quạt

.....  
.....

5. kia/ quyển truyện

.....  
.....

6. này/ chả nem

.....  
.....

7. đó/ quả cam

.....  
.....

8. kia/ cái gối

.....  
.....

**Bài tập 4.** Lựa chọn các từ “này”, “kia”, “đây”, “đấy”, “đó” để điền vào chỗ trống cho phù hợp.

1. Đây là cái áo của Mai. Cái áo ..... đẹp.
2. Đó là con thỏ. Con thỏ ..... có bộ lông màu trắng.
3. Đấy là cái thước kẻ. Cái thước kẻ ..... rất dài.
4. Kia là phòng của tôi. Phòng ..... rộng và mát.
5. Đó là quyển truyện tôi mới mua. Quyển truyện ..... hay và xúc động.
6. Đây là bài hát mới của Mĩ Tâm. Bài hát ..... nói về người mẹ.
7. .... là người hàng xóm mới của tôi. Họ rất thân thiện.
8. Ngôi nhà xa xa ..... là nhà bà ngoại tôi.

**Bài tập 5.** Trả lời câu hỏi có từ “thế nào”.

1. Bệnh của anh ấy thế nào rồi?

.....

2. Công việc cuối năm của chị thế nào?

.....

3. Bạn thấy thời tiết hôm nay thế nào?

.....

4. Cái xe bạn mới mua nhìn như thế nào?

.....

5. Thư viện Trường Đại học Hạ Long thế nào?

.....

6. Anh xin cô giáo nghỉ học thế nào?

.....

7. Mọi người trong phòng bạn thế nào?

.....

8. Em viết bài văn này thế nào?

.....

**Bài tập 6.** Nhìn tranh và ghép với câu tương ứng.



1.



2.

a. Chiếc áo len này rất đẹp và ấm.

b. Cái ba lô học sinh này nhìn đáng yêu thế.



3.



4.



5.



6.

c. Chiếc xe máy điện đó rẻ mà đẹp.

d. Chiếc máy tính này rất mới và hiện đại.

e. Điện thoại này nhỏ xinh nhưng đắt.

f. Bộ ấm chén đẹp và đắt tiền.

**Bài tập 7.** Nối cột A với cột B cho phù hợp.

A
Phòng ở của Ma-ry thế nào?
Cái áo bạn mới mua thế nào?
Đường về nhà bạn thế nào?
Hoa hôm qua bạn mua thế nào?
Bây giờ, tôi muốn uống cà phê thì phải làm thế nào?
Nhà của bạn ở quê thế nào?
Điều hòa bạn đang dùng thế nào?
Cô ấy bây giờ thế nào?

B
Ngắn và không hợp với tôi.
Xa và rất khó đi.
Đi đun nước sôi.
Bé và cũ.
Màu hồng và rất tươi.
Rộng và đẹp.
Khỏe và béo hơn.
Mát và bền.

**Bài tập 8.** Trả lời các câu hỏi có kết cấu "... có + tính từ + không?".

1. Bài tập hôm nay có nhiều không?

.....

2. Tranh của họa sĩ ấy có đẹp không?

.....

3. Bài đọc hôm nay có dài không?

.....

4. Bác sửa xe này có lâu không?

.....

5. Bộ phim tối nay có hay không?

.....

6. Điểm thi môn Nói của bạn có cao không?

.....

7. Lớp bạn có nhiều sinh viên Lào không?

.....

8. Chiếc áo mới của anh có đắt không?

.....

**Bài tập 9.** Sử dụng kết cấu "... có + tính từ + không" để đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

1. ....

– Không, trời hôm nay rất mát mẻ.

2. ....

– Có, tôi thấy bài hát này rất ý nghĩa.

3. ....

– Đẹp, chiếc áo rất đẹp và hợp với bạn.

4. ....

– Không, nó chạy chậm và yếu.

5. ....

– Món ăn rất ngon và không bị chua.



6. ....

– Không, anh ấy cao và gầy.

7. ....

– Béo, bạn mặc áo này rất béo.

8. ....

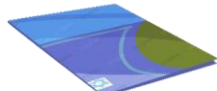
– Phòng nghỉ ở đây rất hiện đại.

**Bài tập 10.** Sử dụng kết cấu “có + tính từ + không” để đặt câu hỏi và câu trả lời dựa theo nội dung trong các bức tranh dưới đây.

Mẫu:

– Chiếc xe này có đắt không?

– Không, chiếc xe này rẻ.



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....

**Bài tập 11.** Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

nhều	dày	này
hiện đại	nguội	rộng
mệt mỏi	khó	Gì

1. Ngôi nhà mới xây kia rất .....
2. Nước đó đã ..... rồi, bạn đợi thêm 5 phút sẽ có nước nóng.
3. Người bạn mới chuyển đến tên là ..... nhỉ?
4. Mùa đông năm ngoái tuyết rơi nhiều và ..... hơn năm nay.
5. Tôi giải thích ..... lần nhưng anh ấy không nghe.
6. Chị ấy cảm thấy ..... vì công việc nhiều và .....
7. Đây là bức tranh tôi được tặng, bức tranh ..... vẽ hình ảnh nông thôn.
8. Bây giờ, đường lên Hà Nội ..... và dễ đi.

**Bài tập 12.** Xây dựng hội thoại dựa vào các thông tin cho trước.

Mẫu: cái áo/ đắt/ rẻ

- Đây là cái gì?
- Đây là cái áo tôi mới mua.
- Cái áo này có đắt không?
- Không, cái áo này rẻ.

1. ti vi/ mới/ cũ

.....

.....

.....

.....

2. quả táo/ chua/ ngọt

.....

.....

.....

.....

3. truyện cười/ hay/ dở

.....

.....

.....

.....

4. nước hoa/ thơm/ hắc

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 13.** Sắp xếp các từ/ ngữ sau thành câu.

1. Quyển sách/ có/ nhiều/đẹp/. / ấy/ tranh

.....

2. của/nhỏ xinh /./ Phòng ở/ chúng tôi/ gọn gàng/ và

.....

3. là/ Cái áo/ đây/ tặng/ anh ấy/. / tôi

.....

4. Cái ví/ này/ lắm/ ./ tiền/ đắt

.....

5. rất bền/ Chiếc/ dù/ máy tính/ ./ này

.....

6. Quyển sách/ rất / này/ chị ấy/ quan trọng/ ./ đối với

.....

7. này/ gọn/ Chiếc điện thoại/ tiện lợi/ nhỏ/ ./ rất/ và

.....

8. thời tiết/ nóng bức/ ./ khó chịu/ và / Hôm nay/ rất

.....

## 5. LUYỆN TẬP

### 5.1. LUYỆN ĐỌC

#### HOẠT ĐỘNG 9

#### Luyện đọc thành tiếng

#### Hội thoại

**Hoa:** Linh ơi. Ngày mai cậu đi chợ với tớ nhé. Tớ muốn mua ít đồ dùng cá nhân.

**Linh:** Nhất trí. Thế cậu định mua gì?

**Hoa:** Tớ định mua sữa tắm, dầu gội đầu và kem dưỡng.

**Linh:** Cậu có định mua lược nữa không? Lần trước cậu làm mất rồi mà.

**Hoa:** Ừ, mình quên mất, mình sẽ mua lược và dây buộc tóc nữa. Cậu có định mua gì không?

**Linh:** Mình chỉ mua một ít đồ dùng học tập thôi.

**Hoa:** Cậu định mua gì thế?

**Linh:** Mình mua thêm mấy quyển vở, sổ, vài cái bút bi, bút xóa.

**Hoa:** Vậy mai chúng mình đi sớm sớm nhé.

#### Bài đọc



Mát-thiu là người Đức. Anh ấy đang là giám đốc trung tâm ngoại ngữ gần chỗ tôi đang ở. Ở đó có rất nhiều người Việt Nam theo học. Anh ấy yêu tiếng Việt và nói tiếng Việt rất giỏi. Văn phòng làm việc cũng là nơi ở của anh ấy. Nó không rộng nhưng đẹp, thoáng và đủ cho sinh hoạt. Sau bàn làm việc của anh ấy là một bức tranh thiên nhiên rất đẹp và một chiếc đồng hồ treo tường. Trong phòng còn có một cái bàn to, mười cái ghế, hai cái máy vi tính và một cái máy chiếu. Phòng bếp của anh ấy chỉ có 1 chiếc tủ lạnh, 1 chiếc bếp điện, vài cái bát, vài cái đĩa và không có nồi. Bên trong phòng ngủ chỉ có 1 chiếc giường đơn, 1 tủ nhỏ, chăn, gối và 1 chiếc điều hòa. Anh ấy rất yêu nơi này.

## Hội thoại

**Bài tập 1.** Đọc Hội thoại trên và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hoa rủ Linh ngày mai đi đâu?

.....

2. Ngày mai, Hoa sẽ đi mua những món đồ gì?

.....

3. Hoa và Linh có mua đồ giống nhau không? Vì sao?

.....

4. Vì sao Linh nên mua chiếc lược mới?

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào Hội thoại trên, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Linh rủ Hoa đi chợ cùng mình.		
2	Hoa muốn mua đồ dùng cá nhân.		
3	Cả Hoa và Linh đều mua đồ dùng học tập.		
4	Linh muốn mua vở, sổ, bút bi và bút xóa.		

## Bài đọc

**Bài tập 1.** Đọc Bài đọc và trả lời các câu hỏi sau:

1. Văn phòng của Mát-thiu thế nào?

.....

2. Trong phòng làm việc của Mát-thiu có những đồ vật gì?

.....

3. Tủ lạnh của Mát-thiu ở đâu?

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung Bài đọc, hãy chọn câu trả lời đúng.

1. Nơi Mát-thiu đang làm việc có mấy phòng?

- A. 1.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 4.

2. Phòng làm việc của Mát-thiu có những đồ vật gì?

- A. Tranh, đồng hồ.  
B. Bàn, tranh, đồng hồ.  
C. Bàn, ghế, máy vi tính, máy chiếu.  
D. Bàn, ghế, tranh, đồng hồ, máy vi tính, máy chiếu.

3. Đồ vật nào không có trong phòng bếp?

- A. Bếp điện.              B. Bát.                      C. Nồi.                      D. Đĩa.

4. Sau bàn làm việc của Mát-thiu có những đồ vật gì?

- A. Đồng hồ.                      B. Tranh.  
C. Tranh, đồng hồ.              D. Tranh, đồng hồ, điều hòa.

## 5.2. LUYỆN NGHE

### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

**Bài tập 1.** Nghe và đánh dấu vào tên đồ vật có trong bài nghe.





**Bài tập 2.** Nghe và điền từ/ ngữ còn thiếu vào chỗ trống.

**An:** Chào cậu. Cậu đi đâu thế?

**Hỏi:** Tớ lên ..... (1) mua một ít đồ.

**An:** Hay quá, tớ cũng đang định lên đó. Mình cùng đi nhé.

**Hỏi:** Ừ, hay quá. Thế cậu định mua gì?

**An:** Tớ định mua ..... (2) Cuối tuần tớ đi ăn cưới.

**Hỏi:** Vậy sẽ mất nhiều tiền lắm đấy. Cậu định mua áo phông với ..... (3) à?

**An:** Không. Tớ muốn mua ..... (4), quần vải để mặc cho lịch sự.

**Hỏi:** Thế thì không mua giày thể thao rồi.

**An:** Ừ, mua đôi ..... (5) thôi. Thế cậu định mua gì?

**Hỏi:** Tớ định mua mấy bộ quần áo ..... (6) cho tớ và em trai.

**An:** Cậu không mua ..... (7) đá bóng à?

**Hỏi:** Tớ có rồi.

**Bài tập 3.** Dựa vào nội dung đoạn hội thoại trên, trả lời các câu hỏi sau:

1. An mua quần áo mới và giày mới để đi đâu?

.....

2. Vì sao An không mua áo phông, quần bò và giày thể thao?

.....

3. Hải định mua quần áo thể thao cho ai?

.....

4. Vì sao Hải không mua giày đá bóng?

.....

**Bài tập 1.** Nghe và thêm dấu thanh, âm cuối vào cho các tiếng trong đoạn văn sau:

Chú gấu bông ấy to bằng nửa người.... em, có một màu trắng..... muốt vô cùng dễ thương. Bộ lông mềm mịn..... sờ vào vô cùng thoải mái. Em rất thích dù..... một chiếc lược đặc biệt để chải lông cho nó mỗi ngày. Con gấu ấy tu..... to mà lại rất nhẹ bơ..... nó được làm từ bông..... và vải mà. Cái đầu tròn vo có hai cái tai nhỏ hơi vênh lên như đang cố gắng..... nghe ngóng điều gì đó..... Hai mắt màu đen nhanh như..... mỗi khi nhìn vào đôi mắt ấy, em lại có cảm giác..... như chú đang rất vui vẻ và hạnh phúc vậy.

**Bài tập 2.** Nghe và chọn đáp án đúng.

1. Chú heo đất to bằng cái gì?

A. Ấm.

B. Ấm tích.

C. Chú heo trong tranh Đông Hồ.

D. Ấm tích, chú heo trong tranh Đông Hồ.

2. Tai của chú heo đất màu gì?

A. Màu hồng hồng.

B. Màu đen.

C. Màu trắng.

D. Màu đỏ.

3. Khuôn mặt chú heo đất thế nào?

A. Như tô phấn.

B. Dễ thương.

C. Như biết vui, biết buồn.

D. Cả B và C.

4. Chú heo đứng vững được là nhờ cái gì?

A. Thân hình tròn phệ.

B. Bàn chân.

C. Đuôi.

D. Mông.



### 5.3. LUYỆN NÓI

#### HOẠT ĐỘNG 13 **Luyện nói độc thoại**

**Bài tập 1.** *Giới thiệu về đồ vật học tập của bạn và đặc điểm của đồ vật đó.*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 2.** *Giới thiệu về đồ dùng sinh hoạt của bạn và đặc điểm của đồ vật đó.*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## HOẠT ĐỘNG 14

### Luyện nói hội thoại

**Bài tập 1.** Nhìn bức ảnh và hội thoại về các đồ vật trong phòng khách.



**Bài tập 2.** Nhìn bức ảnh và hội thoại về các đồ vật trong phòng học.



**Bài tập 3.** Nhìn bức ảnh và hội thoại về các đồ vật trong phòng bếp.



**Bài tập 4.** Nhìn bức ảnh và hội thoại về các đồ dùng học tập.



## 5.4. LUYỆN VIẾT

### HOẠT ĐỘNG 15 Luyện viết chính tả

Nhìn và viết đoạn chính tả sau:

#### Thăm côi Bác xưa

Tố Hữu

(...)	Ô vẫn còn đây, của các em
Nhà gác đơn sơ, một góc vườn	Chồng thư mới mở, Bác đang xem
Gỗ thường mộc mạc, chẳng mùi sơn	Chắc Người thương lắm lòng con trẻ
Giường mây chiếu cói, đơn chăn gối	Nên để bâng khuâng gió động rèm...
Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.	(...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HOẠT ĐỘNG 16****Luyện viết đoạn văn**

Viết đoạn văn (6-8 câu) miêu tả (thuyết minh) về một đồ vật trong gia đình.

Gợi ý:

- Tên gọi của đồ vật.
- Hình dáng, màu sắc, đặc điểm nổi bật của đồ vật.
- Công dụng của đồ vật.
- Cách sử dụng đồ vật.
- Tình cảm của em đối với đồ vật đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 6. THÔNG TIN CHO BẠN

### Bài hát

# Trái đất màu xanh trái bóng hoà bình

**Vui - Tung búng** Nhạc và lời **LÊ MÂY**

The musical score is written in 2/4 time with a key signature of one sharp (F#). It consists of ten staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics describe a world of peace and joy, where children play with balls and sing. The song ends with a double bar line and a repeat sign.

Trái đất tròn là ngôi nhà chung thế giới  
Trái bóng tròn là niềm vui chung thế giới Trái bóng bay  
lên cùng đàn bồ câu trắng xinh Trái bóng bay lên cùng  
muôn tiếng hát hoà bình. Tinh tinh tang, tang tinh, tang tinh  
tang Thích thích quả cùng nhau ngồi xem bóng đá Mê mê  
qua, ơi những ngôi sao bóng đá. Tuyệt tuyệt quả cán  
làm nhiều trái bóng đá Thôi thôi nhé xin đừng làm ra những  
trái bom. Trái đất màu xanh, trái bóng  
hoà bình. Trái đất màu xanh, trái bóng hoà bình.



## DANH MỤC SẢN PHẨM BÁN LẺ

- Vở ô ly - 48 trang không nhoè chống cận ..... 12.000đ
- Vở B5 kẻ ngang - 80 trang ..... 13.000đ
- Thời khoá biểu A4 hoạt hình giá ..... 6.000đ
- Nhân vở set 15 chiếc (mua 2 tặng 1) ..... 15.000đ
- Giấy bọc sách set 10 tờ ..... 20.000đ
- Giấy bọc vở set 10 tờ ..... 20.000đ
- Giấy kiểm tra cấp 1 15 tờ đôi 100gms ..... 13.000đ
- Giấy kiểm tra cấp 2 20 tờ đôi + 10 tờ đơn  
70gms ..... 18.000đ
- Bút gel sequin gắn ngôi sao óng ánh ..... 10.000đ
- Bút gel hamster ngộ nghĩnh ..... 10.000đ
- Bút bi bấm 3 màu ngôi 3D hoạt hình ..... 15.000đ
- Bút bi bấm kéo hình Thanh gươm diệt quỷ ..... 15.000đ
- Bút chì gỗ HB Deli thân cố định tay cầm ..... 4.000đ
- Bộ thước kẻ êke 4 chi tiết Thanh gươm  
diệt quỷ ..... 30.000đ
- Set tẩy hình mô hình 3D ngộ nghĩnh ..... 20.000đ





## 1. NGỮ ÂM: CÁC VẦN BẮT ĐẦU TỪ ÂM O

### HOẠT ĐỘNG 1 Đánh vần, đọc trơn các vần bắt đầu từ âm o

Các vần bắt đầu từ âm *o* gồm: *o, oa, oc, oe, oi, om, on, ong, op, ot, oach, oai, oan, oang, oanh, oat, oay, oăn, oăng, oăt, ooc, oong.*

### HOẠT ĐỘNG 2 Tạo tiếng có vần bắt đầu từ âm o theo bảng sau:

\	
<i>b</i>	<i>o</i>

		\	/	,	~	.
<i>bo</i>	<i>bo</i>	<i>bò</i>	<i>bó</i>	<i>bỏ</i>	<i>bõ</i>	<i>bọ</i>

	<i>o</i>	<i>oa</i>	<i>oc</i>	<i>oe</i>	<i>oi</i>	<i>om</i>	<i>on</i>
<i>b</i>							
<i>c</i>							
<i>ch</i>							
<i>d</i>							
<i>đ</i>							
<i>g</i>							
<i>gh</i>							



	<i>o</i>	<i>oa</i>	<i>oc</i>	<i>oe</i>	<i>oi</i>	<i>om</i>	<i>on</i>
<i>gi</i>							
<i>h</i>							
<i>k</i>							
<i>kh</i>							
<i>l</i>							
<i>m</i>							
<i>n</i>							
<i>ng</i>							
<i>nh</i>							
<i>ngh</i>							
<i>p</i>							
<i>ph</i>							
<i>q</i>							
<i>r</i>							
<i>s</i>							
<i>t</i>							
<i>th</i>							
<i>tr</i>							
<i>v</i>							
<i>x</i>							

	<i>ong</i>	<i>op</i>	<i>ot</i>	<i>oach</i>	<i>oai</i>	<i>oan</i>	<i>oang</i>	<i>oanh</i>
<i>b</i>								
<i>c</i>								
<i>ch</i>								
<i>d</i>								
<i>đ</i>								
<i>g</i>								
<i>gh</i>								
<i>gi</i>								
<i>h</i>								
<i>k</i>								
<i>kh</i>								
<i>l</i>								
<i>m</i>								
<i>n</i>								
<i>ng</i>								
<i>nh</i>								
<i>ngh</i>								
<i>p</i>								
<i>ph</i>								
<i>q</i>								
<i>r</i>								
<i>s</i>								
<i>t</i>								
<i>th</i>								
<i>tr</i>								
<i>v</i>								
<i>x</i>								

	<i>oat</i>	<i>oay</i>	<i>oăn</i>	<i>oăng</i>	<i>oăt</i>	<i>ooc</i>	<i>oong</i>
<i>b</i>							
<i>c</i>							
<i>ch</i>							
<i>d</i>							
<i>đ</i>							
<i>g</i>							
<i>gh</i>							
<i>gi</i>							
<i>h</i>							
<i>k</i>							
<i>kh</i>							
<i>l</i>							
<i>m</i>							
<i>n</i>							
<i>ng</i>							
<i>nh</i>							
<i>ngh</i>							
<i>p</i>							
<i>ph</i>							
<i>q</i>							
<i>r</i>							
<i>s</i>							
<i>t</i>							
<i>th</i>							
<i>tr</i>							
<i>v</i>							
<i>x</i>							

### HOẠT ĐỘNG 3

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm o

Đánh vần, đọc trơn vần, tiếng chứa vần bắt đầu từ âm o theo bảng đã hoàn thành.

## 2. HỘI THOẠI

### HOẠT ĐỘNG 4

Đọc đoạn hội thoại có chủ đề *Con người*

#### HỘI THOẠI 1

**Nam:** Lan ơi, bạn có còn nhớ cô giáo Thanh không?

**Lan:** Cô Thanh dạy tiểu học chúng mình ngày xưa phải không bạn?

**Nam:** Đúng rồi bạn ạ, bây giờ cô đã chuyển về dạy tại trường Tiểu học Quốc tế Sinh-ga-po ở Hạ Long rồi bạn à. Hôm qua tôi vừa gặp cô ở siêu thị khi tôi đi mua hàng đấy.

**Lan:** Thế à? Cô Thanh dạo này thế nào hả bạn?

**Nam:** Cô khỏe và vẫn trẻ lắm.

**Lan:** Tôi nhớ ngày xưa cô hiền lành và dạy rất hay.

**Nam:** Cô còn rất vui tính và tâm lí nữa.

**Lan:** Hôm nào chúng mình cùng đến nhà thăm cô nhé!

**Nam:** Ok bạn. Hẹn gặp nhau tại nhà của cô giáo nha!

#### HỘI THOẠI 2

(Hà và Nhật xem ảnh gia đình Nhật và nói chuyện với nhau)

**Hà:** Nhật ơi, đây là ai mà xinh thế?

**Nhật:** À, đây là em gái mình đấy.

**Hà:** Trông em ấy dễ thương quá!

**Nhật:** Ừ, trông thì dễ thương nhưng hơi ... đánh đá đấy.

**Hà:** Thế à? Còn đây, đây là ai?

**Nhật:** À, còn đây là bạn gái mình.

**Hà:** Thế cô ấy là người thế nào? Cô ấy có đánh đá không?

**Nhật:** Không, cô ấy nhẹ nhàng và nữ tính lắm.

**HOẠT ĐỘNG 5****Tìm hiểu nội dung đoạn hội thoại**

**Bài tập 1.** Dựa vào Hội thoại 1, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Cô Thanh là giáo viên cũ của Nam và Lan.		
2	Lan gặp cô Thanh ở siêu thị khi đi mua hàng.		
3	Nam rủ Lan đến nhà cô Thanh chơi.		
4	Nam và Lan hẹn nhau đến nhà thăm cô Thanh.		

**Bài tập 2.** Đọc Hội thoại 1 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Bạn Nam và bạn Lan nói chuyện về ai?

.....

2. Bây giờ trông cô giáo Thanh như thế nào?

.....

3. Cô giáo Thanh là người như thế nào?

.....

4. Cô giáo Thanh dạy học thế nào?

.....

**Bài tập 3.** Dựa vào Hội thoại 2, xác định các thông tin sau đúng hay sai:

STT	Thông tin	Đúng	Sai
1	Hà và Nhật nói chuyện với nhau về người yêu của Hà.		
2	Em gái Hà đánh đá.		
3	Bạn gái của Nhật dịu dàng.		
4	Em gái và bạn gái của Nhật xinh và đánh đá.		

**Bài tập 4.** Đọc Hội thoại 2 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hà khen ai xinh và dễ thương?

.....

2. Nhật nhận xét gì về em gái của mình?

.....

3. Nhật có người yêu chưa?

.....

4. Bạn gái của Nhật là người như thế nào?

.....

**HOẠT ĐỘNG 6** Thực hành hội thoại

Xây dựng các hội thoại theo các tình huống sau rồi thực hành hội thoại trước lớp.

Mẫu:

Sinh viên A: Chào bạn.

Sinh viên B: Chào bạn.

Sinh viên A: Bạn thấy con người Việt Nam thế nào?

Sinh viên B: Tôi thấy con người Việt Nam rất thân thiện.

Sinh viên A: Bạn thấy người Việt Nam có đức tính tốt gì?

Sinh viên B: Mình thấy con người Việt Nam chăm chỉ, thật thà.

**Tình huống 1.** Nhận xét về con người Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 2.** Trao đổi về con người ở đất nước của bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 3.** Nói về sinh viên Việt Nam và sinh viên nước bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 4.** Nói về các thành viên trong gia đình của bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 5.** Cùng nhận xét về thầy cô giáo của bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Tình huống 6.** Nói về bạn thân của bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



### 3. TỪ VỰNG

Từ vựng về chủ đề <i>Con người</i>			
cô giáo	Sinh-ga-po	dạo này	hiền lành
tiểu học	vừa	thế nào	trẻ
chuyên	siêu thị	như (thế nào)	hay
Quốc tế	hàng (hàng hóa)	hả (hử, hở)	nhân hậu
hẹn	gặp	vẫn	vui tính
em gái	thăm	thân thiện	tâm lí
xinh	đễ thương	trông	rất
bạn gái	đanh đá	nhẹ nhàng	lắm
nữ tính	tốt	khỏe	hiền hòa

#### HOẠT ĐỘNG 7

Giải nghĩa, đặt câu với từ mới

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 4. NGỮ PHÁP

### 4.1. LÍ THUYẾT

#### 4.1.1. Cách dùng từ chỉ đặc điểm, tính chất, bản chất, trạng thái

*a. Từ chỉ đặc điểm, tính chất, bản chất của người, sự vật và hiện tượng gồm:*

- Từ chỉ đặc điểm: to, nhỏ, cao, thấp, béo, gầy, ngắn, dài, v.v..
- Từ chỉ tính chất: cay, chua, ngọt, mặn, v.v..
- Từ chỉ bản chất: tốt bụng, cởi mở, hòa đồng, lương thiện, nhân hậu, lười biếng, chăm chỉ, v.v..

**b. Chức năng ngữ pháp chính trong câu của từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái**

- Trong câu tiếng Việt, những từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái thường làm vị ngữ.

Ví dụ:

1. Chị ấy *thông minh* và *xinh đẹp*.
2. Hồ Gươm không *rộng* nhưng *rất đẹp*.
3. Chiếc xe máy này *đắt lắm*.

- Trong câu, từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái cũng có thể làm chủ ngữ.

Ví dụ:

1. *Dịu dàng* là nét đẹp của người phụ nữ.
2. *Chất phác, thật thà* là bản chất của người nông dân.
3. *Cao* là đặc điểm nổi bật của anh ấy.

**4.1.2. Cách dùng các từ chỉ mức độ**

Các từ chỉ mức độ gồm: *hơi, rất, quá, lắm*

Từ chỉ mức độ	Từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái	Từ chỉ mức độ
rất/ cực kì/ vô cùng		lắm
quá		quá
hơi / khá/ khí		cực kì/ vô cùng
<b>Ví dụ:</b>		
hơi	xinh	
	cao	lắm
quá	say	
	vui	quá

**a. Những từ chỉ mức độ cao**

Những từ chỉ mức độ cao gồm: *rất, quá, lắm, cực kì, vô cùng, v.v..*

- Từ chỉ mức độ cao đứng trước từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái: *rất*

Ví dụ: Anh ấy *rất đẹp trai*.

- Từ chỉ mức độ cao đứng sau từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái: *lắm*

Ví dụ: Vịnh Hạ Long *đẹp lắm!*

- Những từ chỉ mức độ cao đứng được cả 2 vị trí trước và sau từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái: *quá, cực kì, vô cùng, ...*

Ví dụ:

1. Món bún chả Hà Nội *ngon quá!*
2. Bạn Lan học *quá giỏi!*
3. Mùa hè ở Lào *cực kì nóng.*
4. Nhà chị ấy giàu *cực kì.*

\* Lưu ý 1 : Trong tiếng Việt hiện nay, “quá” khi đứng trước từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái có vai trò nhấn mạnh mức độ cao của đặc điểm, tính chất.

Ví dụ:

1. Chị ấy *quá tốt bụng.*
2. Đường phố Hà Nội *quá nhiều xe máy.*
3. Nó nói *quá nhỏ*, tôi không nghe thấy gì.

\* Lưu ý 2:

- Kết cấu:

<b>Từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái</b> + <b>lắm</b>
--

Kết cấu này có ý nghĩa khẳng định mức độ cao của đặc điểm, tính chất.

- Kết cấu:

<b>không + từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái</b> + <b>lắm</b>
--

Kết cấu này có ý nghĩa phủ định, chỉ mức độ bình thường của đặc điểm, tính chất.

Ví dụ:

1. Anh ấy nói tiếng Việt *không tốt lắm.*
2. Cô ấy *không đẹp lắm* nhưng rất duyên dáng.
3. Nó học *không giỏi lắm* nhưng rất chăm chỉ.

## b. Những từ chỉ mức độ thấp

Những từ chỉ mức độ thấp: *hơi, khá, khi...* chỉ đứng ở vị trí trước từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái, không đứng sau từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái.

Ví dụ:

1. Hôm nay, trời *khí nóng*.
2. Tiếng Việt *hơi khó*.
3. Anh ấy *khá đẹp trai*.

\* Lưu ý 3: Trong tiếng Việt có một số từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái có ý nghĩa tính chất tự thân có mức độ (hàm chứa mức độ): *đỏ lừ, xanh lè, trắng tinh, gầy tong teo, béo ú...* sẽ không kết hợp được với từ chỉ mức độ.

### 4.1.3. Cách sử dụng câu hỏi (thế nào? như thế nào?) để hỏi về con người

Muốn biết về đặc điểm, bản chất, trạng thái của con người, chúng ta sử dụng câu hỏi có đuôi “*thế nào*”, “*như thế nào*” để hỏi.

Mô hình câu hỏi:

CN (Ai) + thế nào? / như thế nào + ?
--------------------------------------

Câu trả lời cho câu hỏi này sẽ dùng những từ chỉ đặc điểm, bản chất, trạng thái của con người.

Mô hình câu trả lời:

CN + từ chỉ đặc điểm, bản chất, trạng thái + .
--

Ví dụ:

1. A: Anh ấy là người thế nào?  
B: Anh ấy rất tốt bụng và hiền lành.
2. A: Hiện tại bạn trẻ thế nào?  
B: Bạn trẻ mệt và đói.
3. A: Trông chị ấy như thế nào?  
B: Trông chị ấy xinh nhưng hơi gầy.

#### 4.1.4. Cách dùng từ “nhỉ” ở cuối câu

Từ “nhỉ” được dùng ở cuối câu hỏi khi người nói đưa ra một nhận xét và chờ đợi người trả lời đồng ý với mình.

Cấu trúc:

CN	+	VN	+	nhỉ	+	?
----	---	----	---	-----	---	---

Ví dụ:

1. A: Chị ấy xinh nhỉ?  
B: Vâng, chị ấy rất xinh.
2. A: Bộ phim hôm nay không hay lắm nhỉ?  
B: Vâng, bộ phim hôm nay bình thường quá.
3. A: Món ăn ở quán này ngon nhỉ?  
B: Vâng, món ăn ở đây ngon quá!

## 4.2. THỰC HÀNH

### HOẠT ĐỘNG 8

### Thực hành ngữ pháp

**Bài tập 1.** Nối các cặp từ trái nghĩa ở hai cột sau:

A
mỏng
nóng
Bận
khó
xa
ấm
rộng
dài
gầy
siêng năng

B
lười biếng
mập / béo
gần
mát
đễ
lạnh
rảnh rỗi
dày
hẹp
ngẩn

**Bài tập 2.** Nối từ chỉ người, vật với từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái.

Danh từ
thầy giáo
bài tập
câu
sông
biển
phòng
học sinh
sinh viên
từ điển
phim
truyện
diễn viên
câu hỏi
bác sĩ
bài hát

Tính từ
thông minh
dài
rộng
chăm chỉ
ngghiêm khắc
đơn giản
khó
đúng
nổi tiếng
chật chội
bận
thú vị
dày
buồn tẻ
vui nhộn

**Bài tập 3.** Các câu sau đây đúng hay sai? Hãy sửa lại câu sai cho đúng.

1. Căn phòng này rất hẹp quá.

.....

2. Anh Sơn thông minh quá lắm.

.....

3. Bánh tôm Hồ Tây rất quá ngon.

.....

4. Hôm nay, trời không nóng lắm.

.....

5. Tòa nhà ở trường này không cao rất.

.....

6. Cuốn từ điển kia dày không lắm.

.....

7. Bông hoa này rất đỏ chói.

.....

8. Ba lô này lắm sách vở.

.....

**Bài tập 4.** Quan sát thầy cô và các bạn trong lớp học, dùng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái để miêu tả từng người theo mẫu.

Mẫu:

Thầy giáo rất phong độ.

Bạn Hoa xinh quá.

Bạn Lan và Mai hơi béo.

**Bài tập 5.** Hỏi và trả lời theo mẫu.

Mẫu: Anh Thành/ thông minh

A: Anh Thành thế nào?

B: Anh Thành rất thông minh.

1. Ngữ pháp tiếng Việt/ khó

.....

.....

2. Anh Linh nói tiếng Anh/ thành thạo

.....

.....



3. Chả mực Hạ Long/ thơm và ngon

.....  
.....

4. Mùa đông ở miền Bắc Việt Nam/ không lạnh lắm

.....  
.....

5. Người yêu của cô ấy/ hài hước

.....  
.....

6. Cô giáo dạy tiếng Việt của chúng tôi/ nghiêm khắc

.....  
.....

7. Em trai tôi/ nghịch ngợm

.....  
.....

8. Bà tôi/ hiền từ

.....  
.....

**Bài tập 6.** Đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

Mẫu:

A: Cái xe máy này thế nào?

B: Cái xe máy này đắt quá.

1. A: .....?

B: Cô giáo của chúng tôi rất vui tính.

2. A: .....?

B: Không, nó lười lắm.

3. A: .....?

B: Vâng, em ấy thông minh lắm.

4. A: .....?

B: Có, phát âm tiếng Việt rất khó.

5. A: .....?

B: Không, mùa đông ở Hà Nội không lạnh lắm.

6. A: .....?

B: Bà nội của tôi minh mẫn lắm.

**Bài tập 7.** *Viết câu trả lời cho những câu hỏi sau:*

1. Ngôi nhà của bạn thế nào?

.....

2. Trường học của bạn đẹp nhỉ?

.....

3. Thầy giáo / cô giáo mới của bạn là người như thế nào?

.....

4. Lớp học của bạn thế nào?

.....

5. Tòa nhà 20 tầng hiện đại nhỉ?

.....

6. Thư viện trường bạn thế nào?

.....

7. Người yêu của anh trai bạn xinh gái quá nhỉ?

.....

8. Lớp trưởng lớp bạn là người như thế nào?

.....

9. Học tiếng Việt có khó không?

.....

10. Người Quảng Ninh có thân thiện không?

.....

**Bài tập 8.** Thêm từ “nhỉ” vào chỗ trống và nói đúng ngữ điệu.

1. Cô ấy trông dịu dàng .....
2. Hôm nay trời nóng quá.....
3. Ban ngày Hà Nội đông đúc và ồn ào .....
4. Nhà anh mới xây đẹp thế.....
5. Hôm nay thầy giáo trông phong độ .....
6. Tiếng Việt phức tạp quá.....
7. Ngữ pháp tiếng Việt khó thế.....
8. Anh ấy cao lớn quá.....
9. Quyển sách này dày thế.....
10. Bài thơ này dài quá.....

**Bài tập 9.** Hỏi và trả lời theo mẫu.

Mẫu: phở Hà Nội/ ngon

A: Phở Hà Nội ngon quá, anh An nhỉ?

B: Vâng, món phở ở đây rất ngon.

1. Giám đốc/ dễ tính

.....  
.....

2. Bài tập này/ khó

.....  
.....

3. Quần áo ở chợ/ rẻ

.....  
.....

4. Cô nhân viên này/ chu đáo

.....  
.....

5. Bác sĩ ở bệnh viện này/ tận tình

.....  
.....

6. Anh bộ đội/ dũng cảm

.....  
.....

7. Bác nông dân/ cần cù, chịu khó

.....  
.....

8. Anh họa sĩ/ tài hoa

.....  
.....

**Bài tập 10.** *Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh.*

1. chăm chỉ / người / thông minh / và / là / Minh / Bạn/ .

.....

2. rất / ngọc lan / thơm / Hoa/ .

.....

3. đẹp/ nhi / ấy/ Chị / quá / ?

.....

4. Thời tiết / ở/ sáng nay / thế nào / Hà Nội / ?

.....

5. lắm / đồng hồ / anh / của / Cái / đắt / mua / mới/ .

.....

6. hơi / Ma-ry / một chút / mập.

.....

7. nóng tính / của / tôi / anh trai / Bạn gái / khá/ .

.....

8. nhà / Ở / thế nào / người / là / bạn/ ấy / ?

.....

**Bài tập 11.** Lựa chọn điền từ thích hợp vào chỗ trống.

1. Bức ảnh kia đẹp.....?
2. Ở nhà, Hoa .....chăm chỉ giúp mẹ làm việc nhà.
3. Nhìn anh ấy .....quá nhỉ?
4. Nó không.....lắm.
5. Các bạn của tôi đều.....và thông minh.
6. Lớp học của chúng tôi không.....(1)l ảm nhưng..... (2)sạch sẽ và đẹp.
7. Các thầy cô giáo ở đây dạy rất.....
8. Tôi rất.....vì được học ở đây.
9. Hồ Tây .....(1) và Hồ Gươm.....(2)
10. Hà Nội .....(1) và.....(2) quá.

**Bài tập 12.** Viết tiếp để hoàn thành các câu sau:

1. Mùa đông ở miền Bắc Việt Nam rất .....
2. Tòa nhà này cao và .....
3. Chiếc váy này đẹp nhưng .....
4. Phở bò Nam Định ngon mà .....
5. Chả mực Hạ Long thơm ngon, .....
6. Con người Quảng Ninh hiền hòa và .....
7. Bạn thấy Vịnh Hạ Long .....?
8. Nước biển Hạ Long rất .....
9. Cuốn từ điển này hơi .....
10. Bài tập tiếng Việt cô giáo giao hôm nay quá .....

## 5. LUYỆN TẬP

### 5.1. LUYỆN ĐỌC

#### HOẠT ĐỘNG 9

#### Luyện đọc thành tiếng

#### Hội thoại

**Bạn của Lan:** Cháu chào bà ạ.

**Bà của Lan:** Chào cháu. Cháu muốn tìm ai?

**Bạn của Lan:** Dạ, cháu muốn gặp bạn Lan ạ. Bạn Lan có ở nhà không hả bà?

**Bà của Lan:** Mẹ Lan vừa rủ Lan đi chợ rồi. Cháu vào nhà chơi đợi bạn một lát nhé.

**Bạn của Lan:** Vâng ạ. Cháu cảm ơn bà. Bà là bà nội của Lan ạ?

**Bà của Lan:** Đúng rồi. Sao cháu biết bà là bà nội của Lan?

**Bạn của Lan:** Dạ, Lan đã kể về bà cho cháu nghe rồi ạ. Lan yêu bà lắm. Lan nói: Bà rất hiền hậu và yêu thương con cháu.


**Bà của Lan:** Thế à? Bà cảm ơn nhé! Lan ở lớp ngoan không cháu?

**Bạn của Lan:** Bạn Lan chăm ngoan và học tốt bà ạ.

**Bà của Lan:** Thế thì bà yên tâm rồi. Cháu cũng rất ngoan và đáng yêu nữa. Hai cháu phải cố gắng học tốt nhé!

**Bạn của Lan:** Vâng bà ạ. Chúng cháu sẽ cố gắng học tốt ạ!

#### Bài đọc

 Anh Minh là bạn tôi. Anh Minh không phải là sinh viên. Anh ấy là nhân viên công ti Nhật. Anh ấy rất cao, đẹp trai và vui tính. Anh ấy thích học tiếng Anh. Anh ấy nói tiếng Anh rất tốt nhưng nói tiếng Nhật không tốt lắm.

Đây là lớp học của chúng tôi. Anh Li là người Hàn Quốc. Anh ấy cao, da trắng, tóc xoăn. Anh ấy học rất giỏi. Anh Vương là người Trung Quốc. Anh ấy không cao lắm. Chị Sô-phi-a và anh Níc đều là người Mỹ. Chị Sô-phi-a rất xinh. Anh Níc rất đẹp trai. Anh ấy và chị ấy đều thông minh. Tôi là An-na. Tôi là người Hà Lan. Tôi phát âm tiếng Việt không tốt lắm nhưng tôi rất thích học tiếng Việt. Chúng tôi rất yêu thích lớp học này.

## Hội thoại

**Bài tập 1.** Đọc Hội thoại trên và trả lời các câu hỏi sau:

1. Ai muốn tìm gặp Lan?

.....

2. Lan có ở nhà không?

.....

3. Lan đã đi đâu?

.....

4. Bà của Lan là người như thế nào?

.....

5. Lan là người như thế nào?

.....

**Bài tập 2.** Dựa vào nội dung hội thoại hãy chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.

1. Lan đi chợ với ai?

A. Mẹ.                      B. Chị.                      C. Bà.                      D. Dì.

2. Bà của Lan là

A. bà ngoại.              B. bà nội.                      C. bà họ.                      D. bà dì.

3. Ở lớp, Lan thế nào?

A. Ngoan ngoan.                      B. Chăm chỉ.  
C. Chăm ngoan.                      D. Hiền lành.

4. Bà Lan khen bạn Lan là người thế nào?

A. Đáng yêu.                      B. Học tốt.  
C. Chăm chỉ.                      D. Xinh đẹp.

5. Bà nói: Lan và bạn của Lan phải

A. cố gắng.                      B. chăm ngoan.                      C. học tốt.                      D. chăm học.

**Bài tập 1.** Trả lời các câu hỏi theo nội dung bài đọc.

1. Anh Minh làm gì?

.....

2. Ai là bạn của anh Minh?

.....

3. Anh Minh có đẹp trai không?

.....

4. Anh Minh rất khó tính, phải không?

.....

5. Anh Minh nói tiếng Anh thế nào?

.....

6. Chị An-na là người nước nào?

.....

7. Anh Li là người Trung Quốc phải không?

.....

8. Anh Li học thế nào?

.....

9. Anh Níc thế nào?

.....

10. Họ có yêu thích lớp học này không?

.....



**Bài tập 2.** Nối thông tin ở 2 cột theo nội dung bài đọc.

A	B
Anh Minh	- người Mỹ
Anh Li	- không cao lắm
Chị An-na	- người Hà Lan
Anh Vương	- rất thông minh
Chị Sô-phi-a	- vui tính
Anh Níc	- tóc xoăn
	- da trắng
	- người Hàn Quốc
	- nói tiếng Nhật không tốt lắm
	- người Trung Quốc
	- phát âm tiếng Việt không tốt lắm
	- nhân viên công ti Nhật
	- đẹp trai
	- thích học tiếng Việt

## 5.2. LUYỆN NGHE

### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

**Bài tập 1.** Nghe và điền dấu thanh vào các tiếng trong đoạn hội thoại sau:

A: Bình là em gái bạn a?

B: Đúng rồi, bạn biết em gái tớ sao?

A: Tớ nhìn qua anh thôi. Em Bình hai hươc lắm phải không?

B: Ừ, nó thông minh và hai hươc lắm.

A: Em Bình có dê gân không?

B: Em ấy thân thiện và không kho gân đâu.

**Bài tập 2.** Nghe và điền từ vào chỗ trống.

A: Chào bạn, nhà bạn có gần nhà bà Bích không?

B: .....(1), nhà tôi ở gần nhà bà Bích.

A: Bà Bích .....(2) thế nào?

B: Bà ấy là người .....(3), nói nhiều.

A: Bà ấy có.....(4) không?

B: Không đâu, bà ấy rất thân thiện.

**Bài tập 3.** Nghe các Hội thoại sau và trả lời câu hỏi:

**HỘI THOẠI 1**

1. Em gái Sơn như thế nào?

.....

2. Em trai Lan thấp hơn Lan đúng không?

.....

3. Bộ phim mà Lan và Sơn định sẽ xem như thế nào?

.....

**HỘI THOẠI 2**

1. Ông chê Mai thế nào?

.....

2. Bài tập Tiếng Việt của Mai thế nào?

.....

3. Vườn rau nhà Mai như thế nào?

.....

**Bài tập 4.** Nghe và sắp xếp các câu sau thành hội thoại:

1. Tôi tên là Bắc. Tôi ở Bắc Ninh đến đây.

2. Chào chị, chúng ta đã từng gặp nhau phải không chị nhỉ?

3. Anh đến Quảng Ninh du lịch à?
4. Thế thì tôi không biết anh thật. Tôi chưa từng gặp anh. Tôi là người Quảng Ninh.
5. Chào anh! Tôi không nhớ nữa. Anh tên là gì?
6. Vâng, chắc là tôi nhận nhầm người.
7. Vâng, tôi đi tham quan Vịnh Hạ Long.
8. Anh đến Hạ Long lần nào chưa?
9. Hạ Long đẹp lắm!
10. Con người Quảng Ninh thật mến khách.
11. Còn con người Quảng Ninh thế nào?
12. Anh thấy Hạ Long như thế nào?
13. Vâng, cảm ơn chị. Hẹn gặp lại chị.
14. Tôi đến Hạ Long nhiều lần rồi.
15. Cảm ơn anh, chúc anh có một chuyến du lịch thật vui vẻ!

## HOẠT ĐỘNG 12 Luyện nghe độc thoại

**Bài tập 1.** Nghe và xác định các câu sau đúng hay sai:

Câu	Đúng	Sai
1. Đường phố đông vui tấp nập quá.		
2. Cô gái ấy rất duyên dáng nhưng không thông minh.		
3. Chàng trai rất ga-lăng với bạn gái của anh ta.		
4. Bố mẹ tôi ít nói và không thân thiện.		
5. Em trai của tôi quá nghịch ngợm.		
6. Người yêu của anh trai tôi không ngoan hiền lắm.		

**Bài tập 2.** Nghe cô và các bạn nói về ai đó (có thể là người nhà, người thân quen hoặc người nổi tiếng) sau đó ghi chép lại những gì mình nghe được.

**Bài tập 3.** Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống.

1. Món ăn ở đây .....(1)nhưng.....(2)
2. Mùa thu ở miền Bắc Việt Nam tiết trời.....(1)
3. Bức tranh ấy.....(1)
4. Bản nhạc ấy .....(1)
5. ....(1)hiền và.....(2)
6. Bạn ấy.....(1)vì bạn ấy.....(2)lắm.
7. Cô .....(1)tiếng Việt.....(2)
8. Mùa hè ở Việt Nam.....(1)
9. Quyển từ điển này.....(1)
10. Chiếc xe đạp mới mua kia không.....(1)lắm.

**Bài tập 4.** Nghe và sắp xếp các từ ngữ thành câu.

1. nhĩ / xinh xắn / của / Bạn gái / và / anh ấy / đáng yêu/ ?

.....

2. Ở / ấy / bà / người/ , / nhà / là / như / nào / thế/ ?

.....

3. em / cô giáo / Ở / trường / ,/ hiền lành / rất / yêu thương / và / chúng em/ .

.....

4. mẹ/ hiền / bác sĩ / như / bệnh viện/ , / Ở/ .

.....

5. mùa hè / oi bức / miền Bắc / ở / Việt Nam / rất / Thời tiết/ .

.....

6. tôi / Người yêu / chị gái / của / lắm / ga lăng / không/ .

.....

7. không phải / người / Bạn / là / bạn / của / thân thiện/ .

.....

8. nói dối / không biết / tôi / tôi / Bạn / bạn / người / là / thật thà/ .

.....

### 5.3. LUYỆN NÓI

#### **HOẠT ĐỘNG 13** Luyện nói độc thoại

Tự nói về bản thân mình, về từng người trong gia đình mình hoặc về một người bạn thân, về một người nổi tiếng mà mình hâm mộ cho cô giáo và các bạn trong lớp nghe.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## HOẠT ĐỘNG 14

### Luyện nói hội thoại

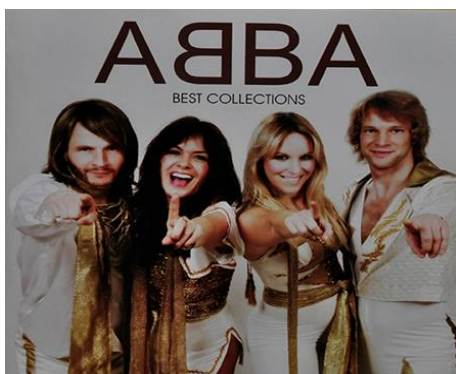
Giao tiếp với cô giáo và các bạn trong lớp theo cặp ngẫu nhiên hoặc theo nhóm 3, nhóm 4 để luyện nói theo chủ đề (miêu tả, nhận xét, đánh giá về ai đó, có thể là người thân quen hoặc cũng có thể là một nhân vật nổi tiếng nào đó – qua tranh ảnh hoặc video clip)



Cựu Tổng thống Mỹ Ba-rắc Ô-ba-ma  
(Barack Obama)



Cầu thủ Cờ-rít-ti-a-nô Rô-nan-đô  
(Cristiano Ronaldo)



Ban nhạc Át-ba (ABBA)



Diễn viên – Ca sĩ Bi-rên (Bi Rain)



Ca sĩ Phi Nhung



Diễn Viên Thành Long

## 5.4. LUYỆN VIẾT

### HOẠT ĐỘNG 15

### Luyện viết chính tả

#### a. Quy tắc viết c/k/q

Chữ ghi phụ âm “cờ”: /k/	Âm	Ví dụ
C	o, ô, ơ, a, u, ư, uô, ua, ươ, ưa	cô ca, cú, cò, cua, cửa, cước, cuốc...
K	i, e, ê, iê	kí, kê, kệ, kiểm...
Q	bán âm “u” (làm âm đệm)	quả, quần, quyển...

#### b. Nhìn và chép bài chính tả sau:

### Hoa sen

*Trong đầm gì đẹp bằng sen*

*Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.*

*Nhiè vàng, bông trắng, lá xanh*

*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

(Ca dao)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*c. Nghe giáo viên đọc và viết một đoạn chính tả.*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HOẠT ĐỘNG 16**    **Luyện viết đoạn văn**

Viết đoạn văn (5 - 7 câu) viết về một người bạn mà em yêu quý.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



## 6. THÔNG TIN CHO BẠN

### Một số quan niệm

\* Một số quan niệm của người Việt Nam xưa về nhận diện và đoán định tính cách, bản chất con người:

1. Trông mặt mà bắt hình dong
- 2.

Ngoài mặt thon thót nói cười

Mà trong nham hiểm giết người không dao

### Thành ngữ, tục ngữ

\* Một số thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt về chủ đề *Con người*

1. Người ta là hoa đất
2. Đẹp như tiên
3. Xấu như ma
4. Tham thì thâm

### Danh nhân Việt Nam

#### 1. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh (tên lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, tên khi đi học là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng tên là Nguyễn Ái Quốc) sinh ngày 19/5/1890 ở làng Kim Liên, xã Nam Liên (nay là xã Kim Liên), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, mất ngày 02/9/1969 tại Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, lớn lên ở một địa phương có truyền thống anh dũng chống giặc ngoại xâm. Sống trong hoàn cảnh đất nước chìm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, thời niên thiếu và thanh niên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chứng kiến nỗi khổ cực của đồng bào và những phong trào đấu tranh chống thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm có chí đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho đất nước, đem lại tự do, hạnh phúc cho đồng bào.



## Chủ tịch Hồ Chí Minh

(19/5/1890 - 02/9/1969)

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam; là vị lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam; là một chiến sĩ xuất sắc, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế.

## 2. ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

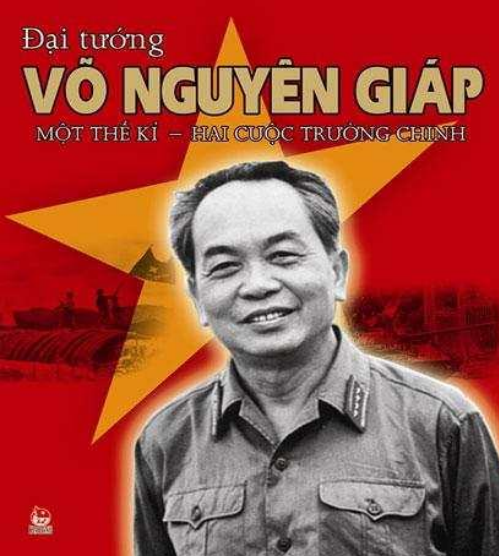


**ĐẠI TƯỚNG**  
**Võ Nguyên Giáp**  
**ĐẠI TƯỚNG CỦA NHÂN DÂN**  
**NHÀ QUÂN SỰ LỖI LẠC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

Tên thật: Võ Giáp  
Bi danh: Văn, Dương Hoài Nam  
Quê quán: Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình  
Chức vụ: Ủy viên Bộ Chính trị  
Đại tướng - Tổng Tư lệnh  
Quân đội nhân dân Việt Nam

25/8/1911 - 4/10/2013

**HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG**  
**HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH**



Đại tướng  
**VÕ NGUYÊN GIÁP**  
MỘT THẾ KỶ - HAI CUỘC TRƯỞNG CHINH

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911 – mất ngày 4 tháng 10 năm 2013), tên khai sinh là Võ Giáp, còn được gọi là tướng Giáp hoặc anh Văn, là một nhà lãnh đạo quân sự và chính trị gia người Việt Nam. Ông là Đại tướng đầu tiên, Tổng Tư lệnh tối cao của Quân đội nhân dân Việt Nam, một trong những người sáng lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông được Chính phủ Việt Nam đánh giá là "người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh", là chỉ huy trưởng của các chiến dịch trong Chiến tranh Đông Dương (1946–1954), Chiến tranh Việt Nam (1955–1975) và Chiến tranh biên giới Việt – Trung (1979).

Xuất thân là một giáo viên dạy lịch sử, ông được đánh giá là một trong những nhà lãnh đạo quân sự lỗi lạc nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhiều tờ báo ca ngợi là anh hùng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người đầu tiên được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và cho tới nay là người duy nhất 2 lần được tặng thưởng huân chương này (lần thứ nhất vào năm 1950 và lần thứ hai vào năm 1979).

# PHỤ LỤC BÀI NGHE

## BÀI 5. CÁCH HỎI GIỜ

### 5.2. LUYỆN NGHE

#### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

##### Bài tập 1.

- Tuấn: Lan ơi! Buổi sáng cậu thường dậy lúc mấy giờ?  
Lan: 6 giờ.  
Tuấn: Trời! Cậu dậy sớm thế để làm gì?  
Lan: À, mình tập thể dục, sau đó tắm gội rồi ăn sáng.  
Tuấn: Thế mấy giờ cậu đi học?  
Lan: 7 rưỡi.  
Tuấn: Cậu học từ mấy giờ đến mấy giờ?  
Lan: Từ 8 giờ đến 11 giờ.  
Tuấn: Cậu giỏi thật. Mình không thể dậy sớm như cậu được.

##### Bài tập 2.

1. Sau khi thức dậy, Lan làm việc gì đầu tiên?
2. Mấy giờ Lan đi học?
3. Lan bắt đầu vào học lúc mấy giờ?
4. Mỗi ngày Lan học bao nhiêu tiếng?
5. Vì sao Tuấn khen Lan là: Cậu giỏi thật!

#### HOẠT ĐỘNG 12 Luyện nghe độc thoại

##### Bài tập 1.

1. Hôm nay anh ấy không đi học, anh ấy đang nghe nhạc và giặt quần áo.
2. 7 giờ 15 phút anh ấy đi ăn sáng và 45 phút sau sẽ bắt đầu vào học. 11 giờ 30 anh ấy sẽ tan học.
3. Chúng tôi hẹn nhau đi ăn tối lúc 7 giờ 30 phút vì 7 giờ tôi mới học xong.
4. Phim chiếu lúc 20 giờ 30 phút nhưng tôi đến sớm 15 phút để đợi cô ấy.
5. Bố mẹ cô ấy là bác sĩ. Em gái cô ấy học lớp 2. Anh trai cô ấy làm bộ đội.
6. Lớp An-na có 10 sinh viên nam và 9 sinh viên nữ.

7. Ngày hôm ấy chúng tôi lên trường sớm để dọn dẹp phòng ở. Buổi chiều, các bạn nữ rủ nhau dọn vệ sinh lớp học để ngày mai bắt đầu năm học mới.

8. Bua-von là người Lào. Bây giờ cô ấy đang học tiếng Việt tại Quảng Ninh và sau 4 năm học đại học, cô ấy sẽ làm việc tại Hà Nội.

### **Bài tập 2.**

Vào mỗi buổi sáng, tôi dậy vào lúc 5 giờ 30 phút. Sau khi đánh răng, rửa mặt, tôi thường ăn sáng vào lúc 6 giờ 30. Tôi đi làm bằng xe máy và tới chỗ làm vào lúc 7 giờ 15. Tôi mất 15 phút để đi từ nhà đến trường. Tôi thường bắt đầu công việc vào lúc 7 giờ 30. Tôi nghỉ và ăn trưa vào lúc 11 giờ 45 tại văn phòng trường. Buổi chiều, tôi làm xong lúc 17 giờ 15 phút và sau đó tôi về nhà. Tôi luôn dành thời gian để nấu bữa tối cho gia đình nhỏ của tôi và chúng tôi thường ăn tối vào lúc 19 giờ 30 phút. Sau bữa tối, chúng tôi thường xem ti vi và chơi cùng con trai. Sau đó, tôi soạn giáo án và đi ngủ vào lúc 23 giờ. Vào các ngày cuối tuần, tôi thường ra ngoài với gia đình hoặc bạn bè.

Nguồn: <https://lazi.vn/edu/exercise/viet-doan-van-khoang-20-dong-ke-ve-mot-ngay-lam-viec-cua-em>

### **Bài tập 3.**

1. Sau khi thức dậy, việc làm đầu tiên của An-na là gì?
2. An-na đi làm lúc mấy giờ?
3. An-na thường đến nơi làm việc sớm bao nhiêu phút?
4. Gia đình An-na có mấy người?
5. An-na đi ngủ khi nào?

## BÀI 6. NGÀY, THÁNG, NĂM

### 5.2. LUYỆN NGHE

#### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

##### Bài tập 1.

- Sa-ra: Xin chào. Lâu rồi không gặp cậu. Cậu khỏe chứ ?
- Giôn: Chào cậu. Mình vẫn khỏe. Cậu cũng học tiếng Việt ở đây à ?
- Sa-ra: Ừ, mình học ở đây được 1 tháng rồi.
- Giôn: Cậu học một tuần mấy buổi ?
- Sa-ra: Mình học một tuần 3 buổi: thứ ba, thứ năm và thứ sáu. Còn cậu ?
- Giôn: Mình học thứ tư và thứ sáu thôi.
- Sa-ra: Cậu học tiếng Việt được bao lâu rồi?
- Giôn: Mình học được 5 tháng rồi.
- Sa-ra: Thế thì cậu nói tiếng Việt giỏi lắm. Hôm nào cậu giúp mình học môn Nói nhé. Mình sợ môn này lắm.
- Giôn: Mình rất sẵn sàng. Thứ 7, chủ nhật tuần này mình đi thư viện. Cậu có đi cùng không?
- Sa-ra: Thứ 7 là ngày 28 mình đi du lịch Sa Pa cùng lớp rồi. Tiếc quá.
- Giôn: Vậy hẹn cậu hôm khác nhé.

##### Bài tập 2.

1. Sa- ra học tiếng Việt được bao lâu rồi?
2. Giôn học tiếng Việt được bao lâu rồi?
3. Một tuần, Sa-ra học tiếng Việt mấy buổi?
4. Một tuần, Giôn học tiếng Việt mấy buổi?
5. Thứ 7 ngày 28, Giôn sẽ đi đâu?

***Bài tập 1.***

Đoạn 1. Anh Minh làm việc tại Hà Nội. Một tuần, anh ấy làm việc từ thứ hai đến thứ sáu. 2 ngày nghỉ cuối tuần anh ấy thường đi xem phim hoặc đi đá bóng.

Đoạn 2. Dự báo thời tiết thứ 2 ngày 15 tháng 8 năm 2021. Buổi sáng, trời nhiều mây, gió nhẹ. Trưa và chiều có mưa nhỏ. Ban đêm có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to.

***Bài tập 2.***

Một ngày, chúng tôi thường bắt đầu làm việc buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 và buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ. Nhưng mùa đông, buổi sáng chúng tôi làm việc muộn hơn 30 phút và buổi chiều sớm hơn 30 phút so với ngày thường. Buổi chiều dù được về sớm hơn nhưng trời lại tối hơn so với các mùa khác.

# BÀI 7. ĐỒ VẬT

## 5.2. LUYỆN NGHE

### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

#### Bài tập 1.

- Bình: Cậu mới đi chợ về à? Mua được nhiều đồ thế?
- Mai: Tớ mua vài thứ linh tinh thôi mà.
- Bình: Trong túi màu xanh kia có gì thế?
- Mai: À, trời lạnh rồi nên tớ mua mấy đôi tất.
- Bình: Đây là khăn mặt mới của cậu à?
- Mai: Ừ, khăn của tớ cũ rồi nên tớ phải thay.
- Bình: Cậu mua cả đĩa với thìa cơ à?
- Mai: Đúng rồi, để còn úp mì tôm ăn sáng chứ. À, tớ mua cả giấy vệ sinh cho phòng nữa đấy. Cậu cất đi nhé.
- Bình: Ừ, tớ gọt xong quả táo tớ cất cho.

#### Bài tập 2.

- An: Chào cậu. Cậu đi đâu thế?
- Hải: Tớ lên siêu thị mua một ít đồ.
- An: Hay quá, tớ cũng đang định lên đó. Mình cùng đi nhé.
- Hải: Ừ, hay quá. Thế cậu định mua gì?
- An: Tớ định mua quần áo với giày. Cuối tuần tớ đi ăn cưới.
- Hải: Vậy sẽ mất nhiều tiền lắm đấy. Cậu định mua áo phông với quần bò à?
- An: Không. Tớ muốn mua áo sơ mi, quần vải để mặc cho lịch sự.
- Hải: Thế thì không mua giày thể thao rồi.
- An: Ừ, mua đôi giày da thôi. Thế cậu định mua gì?
- Hải: Tớ định mua mấy bộ quần áo thể thao cho tớ và em trai.
- An: Cậu không mua giày đá bóng à?
- Hải: Tớ có rồi.



**Bài tập 1.**

Chú gấu bông ấy to bằng nửa người em, có một màu trắng muốt vô cùng dễ thương. Bộ lông mềm mịn sờ vào vô cùng thoải mái. Em rất thích dùng một chiếc lược đặc biệt để chải lông cho nó mỗi ngày. Con gấu ấy tuy to mà lại rất nhẹ bởi nó được làm từ bông và vải mà. Cái đầu tròn vo có hai cái tai nhỏ hơi vểnh lên như đang cố gắng nghe ngóng điều gì đấy. Hai mắt màu đen nhánh nhưng mỗi khi nhìn vào đôi mắt ấy, em lại có cảm giác như chú đang rất vui vẻ và hạnh phúc vậy.

**Bài tập 2.**

1. Chú heo đất to bằng cái ấm tích, hình dáng giống chú heo vẽ trong tranh Đông Hồ. Lưng chú heo sơn màu hồng sen, láng bóng.

2. Bụng chú heo để trần màu mộc hồng hồng của đất nung, không tô vẽ gì. Đầu chú heo vẽ tai, mắt bằng mực tàu màu đen. Mũi của chú được làm nhô ra, sơn đỏ ở cả hai lỗ mũi.

3. Hai tai chú heo đất như hai chiếc lá nhú lên. Hai má heo hồng hào như tô phấn. Khuôn mặt chú heo đất thật dễ thương. Với nét vẽ vô cùng biểu cảm của người thợ làm đồ gốm, khuôn mặt chú heo dường như cũng biết vui, biết buồn vậy.

4. Cái thân hình tròn phệ của chú heo đứng vững vàng nhờ bàn chân được nặn bằng phẳng. Đuôi chú heo là một nét vẽ uốn cong rất điệu dàng. Mông chú heo tròn trĩnh. Trên mông trái của chú, người thợ làm đồ gốm đã xẻ một rãnh nhỏ chỉ đủ để xếp tờ giấy bạc nhét vào bụng heo.

(<https://thuthuat.taimienphi.vn/ta-mot-do-vat-hoac-mon-qua-co-y-nghia-sau-sac-voi-em-41408n.aspx>)

# BÀI 8. CON NGƯỜI

## 5.2. LUYỆN NGHE

### HOẠT ĐỘNG 11 Luyện nghe hội thoại

#### Bài tập 1.

- A: Bình là em gái bạn à?  
B: Đúng rồi, bạn biết em gái tớ sao?  
A: Tớ nhìn qua ảnh thôi. Em Bình hài hước lắm phải không?  
B: Ừ, nó thông minh và hài hước lắm.  
A: Em Bình có dễ gần không?  
B: Em ấy thân thiện và không khó gần đâu.

#### Bài tập 2.

- A: Chào bạn, nhà bạn có gần nhà bà Bích không?  
B: Chào bạn, nhà tôi ở gần nhà bà Bích.  
A: Bà Bích là người thế nào?  
B: Bà ấy là người vui tính, nói nhiều  
A: Bà ấy có khó gần không?  
B: Không đâu, bà ấy rất thân thiện.

#### Bài tập 3.

##### HỘI THOẠI 1

- Lan: Sơn ơi, bạn cũng đi xem phim à?  
Sơn: Ô, chào Lan nhé! Mình đưa em gái mình đi xem phim đây.  
Lan: Em gái Sơn xinh xắn và đáng yêu quá!  
Sơn: Bạn đi xem phim với ai?  
Lan: Tớ đi cùng em trai.  
Sơn: Thế à? Em trai bạn cao nhì? Nhìn em ấy còn cao hơn cả bạn đấy.  
Bạn định xem phim gì?  
Lan: Chị em tớ định xem phim “Mắt biếc”. Phim này hay lắm. Hay là chúng mình cùng xem nhé?  
Sơn: Ý tưởng hay đấy. Bọn mình cùng mua vé vào xem nhé!

## HỘI THOẠI 2

- Ông: Mai ơi, vào đây giúp ông tưới rau nào?
- Mai: Ông ơi, ông đợi cháu một chút, cháu ra ngay đây ạ.
- Ông: (Đợi một lúc) Cháu làm gì mà lâu thế Mai ơi? Cháu gái tôi chậm chạp quá!
- Mai: Cháu đây ạ. Cháu cố làm cho xong bài tập Tiếng Việt mà khó quá nên vẫn chưa làm xong ông ạ.
- Ông: Thôi, nghỉ giải lao lát vào làm tiếp cho đỡ đau đầu cháu ạ. Ông cháu mình ra vườn thôi nào...
- Mai: Ôi, ông ơi, vườn rau nhà mình tươi tốt quá!
- Ông: Phải chịu khó chăm sóc thì rau mới được tươi tốt như thế cháu ạ!
- Mai: Vâng ạ, cháu sẽ giúp ông chăm tưới rau.

### **Bài tập 4.**

- A: Chào chị, chúng ta đã từng gặp nhau phải không chị nhỉ?
- B: Chào anh! Tôi không nhớ nữa. Anh tên là gì?
- A: Tôi tên là Bắc. Tôi ở Bắc Ninh đến đây.
- B: Thế thì tôi không biết anh thật. Tôi chưa từng gặp anh. Tôi là người Quảng Ninh.
- A: Vâng, chắc là tôi nhận nhầm người.
- B: Anh đến Quảng Ninh du lịch à?
- A: Vâng, tôi đi tham quan Vịnh Hạ Long.
- B: Anh đến Hạ Long lần nào chưa?
- A: Tôi đến Hạ Long nhiều lần rồi.
- B: Anh thấy Hạ Long như thế nào?
- A: Hạ Long đẹp lắm!
- B: Còn con người Quảng Ninh thế nào?
- A: Con người Quảng Ninh thật mến khách.
- B: Cảm ơn anh, chúc anh có một chuyến du lịch thật vui vẻ!
- A: Vâng, cảm ơn chị. Hẹn gặp lại chị.

**Bài tập 1.**

1. Đường phố rất đông vui vì có nhiều người và xe đi lại tấp nập.
2. Cô gái ấy rất thông minh và duyên dáng.
3. Chàng trai rất ga-lăng với tất cả các bạn gái.
4. Bố mẹ tôi thân thiện nhưng hơi ít nói.
5. Em trai của bạn gái tôi quá nghịch ngợm.
6. Người yêu của anh trai tôi khá xinh và đặc biệt rất ngoan hiền.

**Bài tập 3.**

1. Món ăn ở đây ngon nhưng cay quá.
2. Mùa thu ở miền Bắc Việt Nam tiết trời mát mẻ.
3. Bức tranh ấy rất đắt.
4. Bản nhạc ấy du dương quá.
5. Bà tôi hiền và tốt bụng lắm.
6. Bạn ấy học giỏi vì bạn ấy chăm chỉ lắm.
7. Cô nói tiếng Việt hay quá.
8. Mùa hè ở Việt Nam rất nóng nực.
9. Quyển từ điển này rất dày.
10. Chiếc xe đạp mới mua kia không cao lắm.

**Bài tập 4.**

1. Bạn gái của anh ấy xinh xắn và đáng yêu nhỉ?
2. Ở nhà bà ấy là người như thế nào?
3. Ở trường, cô giáo em rất hiền lành và yêu thương chúng em.
4. Ở bệnh viện, bác sĩ như mẹ hiền.
5. Thời tiết mùa hè ở miền Bắc Việt Nam rất oi bức.
6. Người yêu của chị gái tôi không ga lăng lắm.
7. Bạn của bạn không phải là người thân thiện.
8. Bạn tôi không biết nói dối, bạn tôi là người thật thà.

## 5.4. LUYỆN VIẾT

### HOẠT ĐỘNG 15

#### Luyện viết chính tả

“Tôi yêu truyện cổ nước tôi  
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa  
Thương người rồi mới thương ta  
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm  
Ở hiền thì lại gặp hiền  
Người ngay thì gặp người tiên độ trì”.

*(Truyện cổ nước mình – Lâm Thị Mỹ Dạ)*

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, Vũ Quang Hào (2000), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb. Văn hóa.
- [2] Nguyễn Việt Hương (2009), *Tiếng Việt cơ sở*, quyển 1 và 2, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Việt Hương (2010), *Tiếng Việt nâng cao*, quyển 1 và 2, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Hoàng Phê (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
- [5] Đoàn Thiện Thuật (chủ biên) (2012), *Tiếng Việt trình độ A*, tập 1 và tập 2, Nxb. Thế giới.
- [6] Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nguyễn Khánh Hà, Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Phương Trang (2012), *Thực hành tiếng Việt B*, Nxb. Thế giới.
- [7] Đoàn Thiện Thuật (chủ biên), Nguyễn Khánh Hà, Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Phương Trang (2013), *Thực hành tiếng Việt C*, Nxb. Thế giới.
- [8] Tập thể giáo viên 123 Vietnamese (2018), *Tiếng Việt 1,2,3*, Nxb. Thế giới.